

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ VĂN TÁM

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ VĂN TÁM

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Bà Phạm Thị Thủy	Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Ông Vũ Minh Vương	Phó Bí thư Chi bộ, Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Bà Trần Thị Ngọc Minh	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Bà Ôn Thị Ngọc Thúy	Thư ký Hội đồng	Thư ký Hội đồng	
5	Bà Trần Thị Huyền	Chủ tịch Công đoàn – Tổ trưởng Tổ Lịch sử và Địa lí	Thành viên	
6	Ông Huỳnh Tuấn Đạt	Bí thư Chi đoàn	Thành viên	
7	Bà Hoàng Thị Kim Oanh	Tổng phụ trách	Thành viên	
8	Bà Ngô Thị Dung	Trưởng ban thanh tra nhân dân	Thành viên	

9	Bà Nguyễn Thị Liên Chi	Tổ trưởng Tổ Ngữ văn	Thành viên	
10	Ông Phan Vị Hữu	Tổ trưởng Tổ Toán học	Thành viên	
11	Bà Nguyễn Phạm Cát Tường	Tổ trưởng Tổ Khoa học tự nhiên	Thành viên	
12	Bà Phạm Thị Xuân Oanh	Tổ trưởng Tổ Tiếng Anh	Thành viên	
13	Bà Trần Dương Thuỳ Linh	Tổ trưởng Tổ giáo dục công dân – Giáo dục thể chất – Nghệ thuật	Thành viên	
14	Ông Trần Huỳnh Quang Hiệp	Tổ trưởng Tổ Tin học – Công nghệ	Thành viên	
15	Bà Bùi Thị Thanh Duyên	Kế toán	Thành viên	
16	Ông Lê Đức Toàn	Trưởng ban Đại diện cha mẹ học sinh	Thành viên	
17	Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Văn thư	Thành viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá của nhà trường	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	8
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	17
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	17
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	22
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	22
Mở đầu	22
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	22
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	25
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	27
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ	30

văn phòng	
Tiêu chí 1.5: Lớp học	33
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	34
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	38
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	40
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	42
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	44
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	48
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	49
Mở đầu	49
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	49
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	53
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	56
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	58
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	60

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	61
Mở đầu	61
Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	61
Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	63
Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo	68
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	71
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	72
Mở đầu	72
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	72
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	73
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	77
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	77

Mở đầu	77
Tiêu chí 5.1: Thực hiện kế hoạch giáo dục	78
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	81
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	84
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	86
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	88
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	90
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	95
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	96
Phần IV. PHỤ LỤC	1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Không đạt	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X	-	-
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X	X	-
Tiêu chí 1.10		X	X	-
Tiêu chuẩn 2				

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Không đạt	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 2.1		X	X	
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	-	-
Tiêu chí 3.2		X		
Tiêu chí 3.3		X		
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X		
Tiêu chí 4.2		X		
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Không đạt	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		-	X	-
Tiêu chí 5.4		-	X	-
Tiêu chí 5.5		-	X	
Tiêu chí 5.6		X	X	X
Tổng cộng		22	19	04

Kết quả: đạt Mức 1.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ VĂN TÁM

Cơ quan chủ quản: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH THẠNH

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố Hồ Chí Minh	Họ và tên Hiệu trưởng	Phạm Thị Thủy
Xã/phường	Phường Bình Thạnh	Điện thoại	02838.412337
Đạt chuẩn quốc gia	Không	Fax	Không
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1996	Website	https://thcslevantam.hcm.edu.vn
Công lập	x	Số điểm trường	01
Trường chuyên biệt	Không	Loại hình khác	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không		

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025
Khối lớp 6	10	10	12	14	13
Khối lớp 7	10	10	10	12	14
Khối lớp 8	11	10	10	9	12
Khối lớp 9	10	11	10	10	9
Tổng số	41	41	42	45	48

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	48	48	49	52	48
1	Phòng học	41	41	42	45	48
a	Phòng kiên cố	41	41	42	45	48

b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00
2	Phòng học bộ môn	05	05	05	05	03
a	Phòng kiên cố	05	05	05	05	03
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00
3	Khối phục vụ học tập	02	02	02	02	02
a	Phòng kiên cố	02	02	02	02	02
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00
II	Khối phòng hành chính - quản trị	06	06	06	06	06
1	Phòng kiên cố	06	06	06	06	06

2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00
III	Thư viện	01	01	01	01	01
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	00	00	00	00	00
	Cộng	55	55	56	59	60

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 9 năm 2025.

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	00	00	00	01	
Phó hiệu trưởng	02	01	00	00	02	00	
Giáo viên	76	60	03	00	64	12	
Nhân viên	05	05	00	03	02	00	
Cộng	84	67	03	03	68	13	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025
1	Tổng số giáo viên	71	70	73	77	76
2	Tỉ lệ giáo viên/lớp	1,47 %	1,45 %	1,48 %	1,71 %	1,58 %
3	Tỉ lệ giáo viên/học sinh	0,04 %	0,04 %	0,04 %	0,04 %	0,03 %
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	00	07	05	06	08
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	00	00	02	00	00

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025
1	Tổng số học sinh	1.888	1.829	1.889	2.101	2.237
	- Nữ	998	960	996	1.126	1.194
	- Dân tộc thiểu số	25	23	18	15	20

	- Khối lớp 6	466	402	556	678	605
	- Khối lớp 7	456	464	410	555	684
	- Khối lớp 8	517	454	468	407	552
	- Khối lớp 9	449	509	455	461	396
2	Tổng số tuyển mới	466	402	556	678	605
3	Học 2 buổi/ngày	1.888	1.829	1.889	2.101	2.237
4	Bán trú	00	1.505	1.685	1.891	2.029
5	Nội trú	00	00	00	00	00
6	Bình quân số học sinh/lớp học	39,33	38,1	38,55	40,4	46,6
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	1.888 100 %	1.829 100 %	1.889 100 %	2.101 100 %	2.237 100 %
	- Nữ	998	960	996	1.126	1.194
	- Dân tộc thiểu số	25	23	18	15	20

8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh	58	39	36	52	48
9	Tổng số học sinh giỏi Quốc gia	00	00	00	00	00
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	08	08	06	11	09
	- Nữ	00	00	00	05	04
	- Dân tộc thiểu số	06	05	04	00	00
11	Tổng số học sinh hòa nhập khuyết tật	01	02	02	01	01
12	Các số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	00

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022		Năm học 2022 - 2023		Năm học 2023 - 2024		Năm học 2024 - 2025
	Khối 6, 7, 8, 9	Khối 6	Khối 7, 8, 9	Khối 6, 7	Khối 8, 9	Khối 6, 7, 8	Khối 6, 7, 8, 9	Khối 6

Tỉ lệ học sinh xếp loại Giỏi/Tốt	81,59 %	79,95 %	84,47 %	81,88 %	86,13 %	Tỉ lệ học sinh xếp loại Giỏi/Tốt	81,59 %	79,95 %
Tỉ lệ học sinh xếp loại Khá	14,91 %	18,02 %	12,85 %	16,98 %	12,35 %	Tỉ lệ học sinh xếp loại Khá	14,91 %	18,02 %
Tỉ lệ học sinh xếp loại Trung bình/Đạt	3,18 %	2,03 %	2,46 %	1,14 %	1,52 %	Tỉ lệ học sinh xếp loại Trung bình/Đạt	3,18 %	2,03 %
Tỉ lệ học sinh xếp loại Yếu, kém/Chưa đạt	0,32 %	00	0,22 %	00	00	Tỉ lệ học sinh xếp loại Yếu, kém/Chưa đạt	0,32 %	00
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm Tốt	98,51 %	100 %	98,88 %	99,9 %	99,78 %	Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm Tốt	98,51 %	100 %
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm Khá	1,44 %	00	1,12 %	0,1 %	0,11 %	Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm Khá	1,44 %	00

Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm Trung bình/Đạt	0,05 %	00	00	00	0,11 %	Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm Trung bình/Đạt	0,05 %	00
--	--------	----	----	----	--------	--	--------	----

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Trung học cơ sở Lê Văn Tám được xây dựng từ năm 1996 tại trụ sở số 01 đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường 14, quận Bình Thạnh. Năm 2011 trường được chuyển về địa điểm mới số 107F đường Chu Văn An, Phường 26, quận Bình Thạnh. Tháng 7 năm 2025, nhà trường được nhận Quyết định thành lập số 22/QĐ-UBND ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Thạnh sau khi thực hiện đề án sắp xếp mạng lưới trường lớp gắn với tổ chức lại hệ thống chính quyền đô thị hai cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Trung học cơ sở Lê Văn Tám có nhiệm vụ tiếp nhận giảng dạy và giáo dục học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 theo bảng phân tuyến hằng năm của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh trước đây. Khuôn viên của trường với tổng diện tích là 8.845,8 m², gồm 04 khu A, B, C, D với đầy đủ các phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Về cơ cấu tổ chức đoàn thể chính trị, trường có chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Về cơ cấu tổ chức chính quyền, trường có 03 cán bộ quản lý, 07 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng.

Năm học 2025 - 2026, tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường là 90 người, 2.360 học sinh với 50 lớp học. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường luôn nỗ lực phấn đấu tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” bằng những việc làm cụ thể gắn với từng nhiệm vụ được giao, cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục pháp luật, giáo dục về an toàn giao thông, công tác an ninh trật tự, an toàn trường học luôn được đảm bảo, nền nếp, kỷ luật nhà trường được giữ vững, cảnh quan sư phạm và môi trường luôn xanh, sạch, đẹp.

Tổ chức bộ máy nhà trường hoạt động hiệu quả; hướng tới sự phát triển toàn diện của học sinh và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường. Quản lý và tổ chức dạy và học theo yêu cầu đổi mới, phát huy sự sáng tạo, tích cực, chủ động của học sinh và khuyến khích sự sáng tạo, nghiên cứu của giáo viên. Chất lượng dạy của giáo viên và học của học sinh được nâng cao qua từng năm học. Thường xuyên liên hệ, tạo mối quan hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh, tập hợp các đoàn thể, phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường ngày càng đạt hiệu quả trong các hoạt động giáo dục.

Trường đảm bảo việc thực hiện dạy học 02 buổi/ngày cho tất cả học sinh, thực hiện chương trình chủ động, đảm bảo thời lượng dạy học, chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu cần đạt. Thực hiện dạy học tích hợp, lồng ghép trong các môn học, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp,... Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh phù hợp với khả năng học tập của học sinh và điều kiện của nhà trường. Ứng dụng công nghệ thông tin thường xuyên, đạt hiệu quả trong quản lý và dạy học. Chú trọng bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và tổ chức phụ đạo học sinh chưa đạt theo kế hoạch hằng năm. Tổ chức các câu lạc bộ nghệ thuật, thể dục thể thao trong nhà trường cho học sinh phát triển năng khiếu, rèn luyện sức khỏe và vui chơi bổ ích. Hằng năm, trường thực hiện kiểm kê, sửa chữa, mua sắm bổ sung các thiết bị, đồ dùng dạy học đảm bảo phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập.

Trường thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, thực hiện chế độ báo cáo đúng tiến độ, chính xác, trung thực.

Trong 05 năm học liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường đều đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”. Năm học 2020 - 2021, 2022 - 2023, 2023 – 2024 và 2024 - 2025 trường được nhận cờ thi đua thành phố.

2. Mục đích tự đánh giá

Nhà trường xác định mục đích tự đánh giá để đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường. Khuyến khích đầu

tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện để nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Tự đánh giá còn là cơ hội để từng thành viên trong nhà trường nhìn lại quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, sự phối hợp, đoàn kết, thống nhất của các lực lượng trong quá trình xây dựng nhà trường. Từ đó, có biện pháp cụ thể nâng cao hiệu quả giáo dục và đào tạo của nhà trường.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Trường Trung học cơ sở Lê Văn Tám triển khai công tác tự đánh giá từ tháng 09 năm 2025 và hoàn thành vào tháng 10 năm 2025. Hoạt động này được thực hiện nghiêm túc theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư sửa đổi số 22/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Để triển khai bài bản, hiệu trưởng nhà trường đã ban hành Quyết định số 179/QĐ-LVT ngày 10 tháng 09 năm 2025 thành lập Hội đồng Tự đánh giá gồm 17 thành viên. Hội đồng đã chủ động xây dựng và triển khai Kế hoạch tự đánh giá số 196/KH-LVT ngày 16 tháng 09 năm 2025, phân công nhiệm vụ cụ thể, khoa học cho từng thành viên gắn với các nhóm tiêu chuẩn.

Quá trình tự đánh giá ghi nhận sự tham gia tích cực, trách nhiệm của toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên. Đặc biệt, nhà trường đã nhận được sự đồng hành sát sao từ Ban đại diện cha mẹ học sinh, sự chỉ đạo kịp thời của Phòng Văn hóa – Xã hội cùng sự hỗ trợ tạo điều kiện từ Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các đoàn thể phường Bình Thạnh. Với nhận thức đúng đắn về mục đích và tầm quan trọng của công tác kiểm định, Hội đồng đã tập trung nghiên cứu hồ sơ, thu thập minh chứng khách quan, đảm bảo hoàn thành báo cáo đúng tiến độ và đạt chất lượng theo quy định hiện hành.

Thời gian	Nội dung hoạt động
<p>Tuần 2, 3 Tháng 9/2025</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Họp lãnh đạo nhà trường để thảo luận dự kiến các thành viên Hội đồng Tự đánh giá và các vấn đề liên quan đến triển khai hoạt động Tự đánh giá. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá. 3. Họp Hội đồng Tự đánh giá để: <ul style="list-style-type: none"> - Công bố quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng Tự đánh giá; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và cá nhân; - Dự thảo và ban hành Kế hoạch Tự đánh giá. 4. Phổ biến Kế hoạch Tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường và các bên liên quan. 5. Tổ chức hội thảo/tập huấn/hội nghị về nghiệp vụ Tự đánh giá cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và các bên liên quan.
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí. 2. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện: phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. 3. Hội đồng Tự đánh giá thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng. 4. Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí. 5. Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí (tiếp theo việc tuần 2).
<p>Tuần 4 Tháng 9/2025</p>	<p>Họp hội đồng Tự đánh giá để:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động Tự đánh giá (nếu có);

	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng Tự đánh giá; - Chính sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí (trong đó đặc biệt chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng); - Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung (nếu có); - Dự thảo báo cáo Tự đánh giá.
<p>Tuần 1 Tháng 10/2025</p>	<p>Họp Hội đồng Tự đánh giá để:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo Tự đánh giá và các nội dung liên quan (nếu có); - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo Tự đánh giá; - Thông qua báo cáo Tự đánh giá đã chỉnh sửa, bổ sung; - Công bố dự thảo báo cáo Tự đánh giá trong nội bộ trường; - Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo Tự đánh giá; - Bổ sung và hoàn thiện báo cáo Tự đánh giá sau khi có các ý kiến góp ý; - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung và đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng (nếu có).
<p>Tuần 2 Tháng 10/2025</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các thành viên của Hội đồng Tự đánh giá ký tên vào danh sách trong báo cáo Tự đánh giá. Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu và ban hành. 2. Gửi báo cáo Tự đánh giá và công văn trong đó có nội dung đã hoàn thành hoạt động Tự đánh giá cho cơ quan quản lý trực tiếp để lấy ý kiến. 3. Chỉnh sửa, bổ sung các ý kiến của cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có). 4. Công bố bản báo cáo Tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường). 5. Lưu trữ báo cáo Tự đánh giá, các minh chứng và các tài liệu liên quan theo quy định.

<p>Tuần 3 Tháng 10/2025</p>	<p>1. Tổ chức thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn. 2. Cập nhật lại báo cáo Tự đánh giá (nếu cần) trước khi thực hiện việc đăng ký Đánh giá ngoài với cơ quan có thẩm quyền.</p>
-------------------------------------	--

Những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá: Báo cáo tự đánh giá đã trình bày đầy đủ 05 tiêu chuẩn, 22 tiêu chí và chỉ báo của Mức 1; 23 tiêu chí và chỉ báo của Mức 2 và 16 tiêu chí và chỉ báo của Mức 3 theo quy định. Mỗi tiêu chí mô tả rõ ràng hiện trạng, điểm mạnh, điểm yếu và đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng với những biện pháp cụ thể, khả thi, phù hợp với điều kiện của nhà trường. Với 171 minh chứng được thu thập, sắp xếp và mã hóa một cách khoa học và đúng quy định.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Cơ cấu tổ chức và quản lý nhà trường theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng trường được thành lập đúng quy định. Trường có chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, có cán bộ quản lý, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức, bộ máy nhà trường hoạt động ngày càng hiệu quả. Chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với các nguồn lực của nhà trường và được công bố công khai. Các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, phối hợp chặt chẽ, đóng góp tích cực trong các hoạt động. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Năm học 2020 - 2021, Trường Trung học cơ sở Lê Văn Tám đã xây dựng Kế hoạch phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025. Nội dung Kế hoạch phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở được quy định tại Luật Giáo dục năm 2019, với các nguồn lực của nhà trường và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương: giáo dục trung học cơ sở nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục tiểu học. Đảm bảo có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông, trung cấp nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động. Đồng thời, chiến lược bước đầu phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội đã được xác định trong Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Phường 26, quận Bình Thạnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 về định

hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hoàn thành các chỉ tiêu ra lớp của các cấp học; đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông,... [H1-1.1-01].

b) Năm học 2020 - 2021, Trường Trung học cơ sở Lê Văn Tám đã xây dựng Kế hoạch số 136/KH-LVT về chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025 [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch phát triển đã được thông báo công khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, học sinh thông qua các cuộc họp, niêm yết trên các bảng thông báo và đăng tải trên website của trường [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

Mức 2

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển như: hằng năm, Hội đồng trường nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ trong từng giai đoạn; có đánh giá, đề xuất và bổ sung các giải pháp thực hiện [H1-1.1-04].

Mức 3

Hằng năm, nhà trường luôn theo dõi việc thực hiện, tổ chức họp góp ý, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch với sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Qua đó, báo cáo về tiến độ thực hiện Kế hoạch phát triển nhà trường trong từng giai đoạn để kịp thời bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp tình hình mới [H1-1.1-05]. Tuy nhiên, chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược phát triển của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch phát triển nhà trường xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục cấp học, phù hợp với đặc điểm tình hình thực tế của đơn vị và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, được triển khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh thực hiện một cách thuận lợi và đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược phát triển của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục lãnh đạo rà soát, đánh giá và triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025 theo những tiêu chuẩn mới.

Trong năm học 2025 - 2026, hiệu trưởng tiếp tục tổ chức lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng đối với nội dung Kế hoạch phát triển nhà trường thông qua các kỳ họp cuối năm.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hội đồng trường được thành lập theo Điều 10 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.2-01], [H1-1.1-02]. Hội đồng thi đua khen thưởng (Hội đồng tư vấn) xây dựng và tổ chức các phong trào thi đua; xét và đề nghị tuyên dương, khen thưởng những cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đạt thành tích xuất sắc, các danh hiệu thi đua của tập thể và cá nhân vào cuối học kỳ và cuối năm học [H1-1.2-02].

Nhà trường còn có các hội đồng tư vấn khác như: Hội đồng tuyển sinh để thực hiện công tác tuyển sinh đầu cấp [H1-1.2-03]; Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm [H1-1.2-04]; Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở [H1-1.2-05].

b) Các Hội đồng thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định. Hội đồng trường đã đề ra Quy chế hoạt động của Hội đồng trường và thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định Điều lệ trường trung học cơ sở [H1-1.2-01]. Các hội đồng khác thực hiện nhiệm vụ tư vấn cho hiệu trưởng trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của Pháp luật như: Hội đồng thi đua khen thưởng (Hội đồng tư vấn) được thành lập hằng năm, xây dựng và tổ chức các phong trào thi đua; xét và công nhận các danh hiệu thi đua của tập thể và cá nhân vào cuối học kỳ và cuối năm học; đồng thời đề nghị tuyên dương, khen thưởng những cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đạt thành tích xuất sắc trong các hoạt động [H1-1.2-02]; Hội đồng tuyển sinh được thành lập vào tháng 6 hằng năm để thực hiện công tác tuyển sinh đầu cấp [H1-1.2-03]; Hội đồng khoa học chấm sáng kiến được thành lập vào tháng 9 hằng năm để chấm những sáng kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.2-04]; Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở có nhiệm vụ xét và đề nghị công nhận tốt nghiệp Trung học cơ sở cho học sinh lớp 9 [H1-1.2-05].

c) Vào cuối học kỳ và cuối năm học, nhà trường tiến hành rà soát, nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Kịp thời miễn nhiệm và bổ sung các thành viên của các Hội đồng theo quy định. Tuy nhiên, do các thành viên trong Hội đồng trường kiêm nhiệm nhiều công tác nên chưa có nhiều đóng góp cho các hoạt động, kế hoạch phát triển nhà trường [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

Mức 2

Các Hội đồng của nhà trường hoạt động thường xuyên theo quy chế và có nhiều đóng góp tích cực, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường và trường đã được Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh đề nghị xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm học 2020 - 2021, 2022 - 2023, 2023 – 2024 và

2024 – 2025; trường được nhận cờ thi đua Thành phố; năm học 2020 - 2021, 2022 - 2023, 2023 - 2024 [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các hội đồng và hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định của pháp luật.

3. Điểm yếu

Các thành viên trong hội đồng trường kiêm nhiệm nhiều công tác nên chưa có nhiều đóng góp cho các hoạt động, kế hoạch phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2025 - 2026 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo, phối hợp, tư vấn của các tổ chức đoàn thể và các hội đồng trong các cuộc họp của nhà trường, cải tiến, đổi mới hình thức cuộc họp, tạo điều kiện phát biểu, đề xuất, biểu quyết để tăng cường trách nhiệm, nâng cao vai trò thành viên các Hội đồng.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Các tổ chức đoàn thể và tổ chức khác của trường có cơ cấu tổ chức theo quy định: tổ chức Công đoàn trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thuộc Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh. Hiện nay, thuộc Công đoàn phường gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng ban Nữ công, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Công đoàn và 01 ủy viên [H1-1.3-01]; Chi đoàn gồm 17 đoàn viên, hoạt động theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1.3-02]; Liên đội hoạt động theo Điều lệ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh [H1-1.3-03].

b) Hoạt động của tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong nhà trường theo các quy định hiện hành và các tổ chức xã hội khác như: Chi hội Khuyến học, Hội chữ thập đỏ... hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục... [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05].

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện báo cáo kết quả hoạt động của tổ chức đoàn thể thông qua báo cáo sơ kết học kỳ, tổng kết năm học [H1-1.3-04]; các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh được đánh giá hằng năm theo quy định [H1-1.3-05].

Mức 2

a) Chi bộ Trường Trung học cơ sở Lê Văn Tám được thành lập từ năm 1996, trực thuộc Quận ủy Bình Thạnh. Sau ngày 01 tháng 7 năm 2025, Chi bộ trực thuộc Đảng ủy phường Bình Thạnh quản lý nên thuận tiện trong việc lãnh đạo toàn diện các hoạt động chính trị trong đơn vị. Đến nay, Chi bộ có 30 đảng viên, hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Các đảng viên thể hiện

vai trò nòng cốt, xung kích trong các hoạt động của nhà trường. Hằng năm, Chi bộ có kế hoạch phân công giám sát hoạt động các đoàn thể. Tuy nhiên, một số đảng viên kiêm nhiệm nhiều công tác nên việc tham gia giám sát các hoạt động của Chi bộ còn hạn chế. Năm 2020, 2021, 2022, 2024 Chi bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ. Năm 2023 Chi bộ đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-06].

b) Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và các đoàn thể có đóng góp xây dựng các kế hoạch, tổ chức phong trào thi đua,... trong các hoạt động của nhà trường. Trưởng các đoàn thể là những người tâm huyết, năng động sáng tạo trong công việc [H1-1.3-05].

Mức 3

a) Năm 2020, 2021, 2022, 2024 Chi bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ. Năm 2023 Chi bộ đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-06].

b) Các đoàn thể có nhiều đóng góp hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường: Công đoàn tổ chức tốt các nội dung sinh hoạt theo từng chủ đề; hằng năm đều giới thiệu được công đoàn viên ưu tú cho Đảng; ủng hộ tích cực công đoàn viên trong các phong trào, các hội thi. Chi đoàn, Liên đội xây dựng và tổ chức tốt các hoạt động theo từng chủ đề, chủ điểm góp phần thực hiện tốt hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong nhà trường [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

2. Điểm mạnh

Các đảng viên thể hiện vai trò nòng cốt, xung kích trong các hoạt động của nhà trường.

Chi bộ trực thuộc Quận ủy Bình Thạnh trước đây và hiện tại Đảng ủy phường Bình Thạnh quản lý nên thuận tiện trong việc lãnh đạo toàn diện các hoạt động chính trị trong đơn vị.

3. Điểm yếu

Một số đảng viên kiêm nhiệm nhiều công tác nên việc tham gia giám sát các hoạt động của Chi bộ còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2025 - 2026, hiệu trưởng tiếp tục thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ trong danh sách quy hoạch, danh sách cán bộ nguồn; kết hợp phân công và tạo động lực tích cực cho các thành viên phụ trách công tác kiểm tra giám sát của chi bộ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- a) Trường Trung học cơ sở Lê Văn Tám có 03 cán bộ quản lý gồm: hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng do Ủy ban nhân dân phường Bình Thạnh bổ nhiệm. Các thành viên đảm bảo đạt các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định khác. Hiệu trưởng vào ngành công tác năm 1993, có kinh nghiệm quản lý 15 năm; 01 phó hiệu trưởng vào ngành công tác năm 2002, có

kinh nghiệm quản lý 04 năm và 01 phó hiệu trưởng vào ngành năm 2009, được bổ nhiệm tháng 12 năm 2023 [H1-1.4-01].

b) Nhà trường có 07 tổ chuyên môn, gồm: tổ Ngữ văn, tổ Toán, tổ Tiếng Anh, tổ Khoa học tự nhiên, tổ Lịch sử và Địa lí, tổ Giáo dục công dân - Giáo dục thể chất, tổ Tin học - Công nghệ và 01 tổ Văn phòng. Các tổ có cơ cấu tổ chức và thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường trung học. Mỗi tổ đều có tổ trưởng và tổ phó do hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm vào đầu năm học [H1-1.4-02].

c) Hằng năm, các tổ trưởng chuyên môn căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo (trước ngày 01 tháng 7 năm 2025) tiến hành xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ, nhóm chuyên môn; đồng thời căn cứ lịch công tác tháng, tuần của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động tháng và tuần của tổ. Tổ chuyên môn sinh hoạt mỗi tháng hai lần, có biên bản sinh hoạt tổ [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]. Các tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục của các thành viên trong tổ thông qua buổi họp chuyên môn; tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thông qua tổ chức chuyên đề [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]. Tổ Văn phòng sinh hoạt mỗi tháng một lần, giúp hiệu trưởng thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý về tài chính, tài sản trong nhà trường, hạch toán kế toán, thống kê; tham gia đánh giá, xếp loại viên chức theo quy định và lưu trữ hồ sơ tài chính của nhà trường đúng quy định. Tổ Văn phòng họp một lần một tháng nhằm đánh giá, rút kinh nghiệm và triển khai công việc theo sự chỉ đạo trực tiếp của hiệu trưởng [H1-1.4-04]; [H1-1.4-07].

Mức 2

a) Hằng năm, dựa trên nhu cầu thực tế, các tổ chuyên môn đã đề xuất và xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề. Mỗi tổ nhóm thực hiện ít nhất 01 chuyên đề/học kỳ nhằm giúp giáo viên trau dồi kinh nghiệm, nâng cao tay nghề: vận dụng phương pháp dạy học tích cực trong bộ môn, dạy học theo định hướng giáo dục STEM,... [H1-1.4-06].

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ Văn phòng được tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh theo từng tháng, từng học kỳ trong buổi họp tổ. Hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng chuyên môn kiểm tra, nhận xét việc thực hiện các nhiệm vụ năm học của tổ chuyên môn. Hằng năm, nhà trường báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của mỗi thành viên và các bộ phận trong nhà trường thông qua báo cáo tổng kết năm học [H1-1.3-04].

Mức 3

a) Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn luôn bám sát kế hoạch giáo dục của nhà trường đã đảm bảo sự thống nhất trong việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ. Kế hoạch tháng của mỗi tổ đi sâu vào phân tích chuyên môn, có chú ý hướng dẫn giáo viên mới nhằm đưa ra những giải pháp tối ưu để hoạt động có hiệu quả, hoàn thành tốt các nhiệm vụ [H1-1.4-03]. Hoạt động của tổ Văn phòng có nhiều cố gắng trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường, hỗ trợ tích cực cho công tác dạy học. Đặc biệt, tổ Văn phòng đã bắt đầu ứng dụng phần mềm văn phòng điện tử, tiếp nhận và gửi công văn qua hệ thống số của ngành. [H1-1.4-04].

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-06]. Tuy nhiên, việc vận dụng phương pháp đổi mới dạy học ở các tổ bộ môn chưa đều tay, giáo dục theo định hướng STEM chưa mang tính đại trà, chỉ mới thực hiện ở môn Khoa học tự nhiên, Công nghệ.

2. Điểm mạnh

Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng, nâng cao tay nghề cho giáo viên.

Tổ Văn phòng hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, hỗ trợ tích cực cho công tác dạy học.

3. Điểm yếu

Việc vận dụng phương pháp đổi mới dạy học ở các tổ bộ môn chưa đều tay, giáo dục theo định hướng STEM chưa mang tính đại trà, chỉ mới thực hiện ở môn Khoa học tự nhiên, Công nghệ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2025 - 2026 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo tiếp tục duy trì tốt nền nếp sinh hoạt tổ nhóm và giữ vững chất lượng hoạt động tổ chuyên môn. Phó hiệu trưởng chuyên môn tăng cường kiểm tra việc vận dụng chuyên đề vào giảng dạy của giáo viên thông qua công tác thăm lớp, dự giờ, trao đổi chuyên môn. Phó hiệu trưởng chuyên môn chỉ đạo giáo viên vận dụng phương pháp mới, giáo dục theo định hướng STEM ở các môn khoa học tự nhiên theo kế hoạch giáo dục của nhà trường. Hiệu trưởng chỉ đạo hỗ trợ tổ văn phòng xây dựng chuyên đề ứng dụng số hóa hồ sơ, quy trình văn phòng điện tử, kỹ năng sử dụng phần mềm hành chính – công vụ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trường Trung học cơ sở Lê Văn Tám có đủ 04 khối lớp, trong đó: khối 6: 11 lớp; khối 7: 13 lớp; khối 8: 14 lớp; khối 9: 12 lớp [H1-1.5-01]. Nhà trường triển khai đa dạng các loại hình lớp học phù hợp với đối tượng và nhu cầu học sinh, gồm: lớp cơ bản, lớp Tiếng Anh qua Toán và Khoa học tự nhiên, lớp Tiếng Anh tăng cường, lớp Tiếng Anh tăng cường Toán – Khoa học tự nhiên và lớp Tích hợp.

b) Theo quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trong mỗi lớp học đều có phân công lớp trưởng và các lớp phó điều hành hoạt động lớp do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học. Mỗi lớp được tổ chức thành các tổ, mỗi tổ có tổ trưởng và tổ phó do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học [H1-1.5-02].

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Hằng tuần, ban cán sự lớp điều hành sinh hoạt dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm lớp. Các lớp học bảo đảm tính dân chủ, tự quản, hợp tác trong hoạt động. Học sinh được chủ động thảo luận, ý kiến xây dựng kế hoạch của lớp và của tổ, với sự hỗ trợ của giáo viên. Tuy nhiên, trong tổ chức hoạt động một số học sinh nhiệm vụ vai trò là cán sự lớp chưa mạnh dạn khi thực hiện nhiệm vụ [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các loại hình lớp phù hợp với đối tượng, nhu cầu của học sinh: lớp cơ bản, lớp học Tiếng Anh qua Toán và Khoa học tự nhiên, lớp Tiếng Anh tăng cường, lớp Tiếng Anh tăng cường Toán – Khoa học tự nhiên, lớp Tích hợp.

3. Điểm yếu

Trong tổ chức hoạt động lớp, một số học sinh nhiệm vụ vai trò là cán sự lớp chưa mạnh dạn khi thực hiện nhiệm vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025 - 2026 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, tổng phụ trách Đội và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện kỹ năng cho học sinh, chú trọng bồi dưỡng sự tự tin, khả năng giao tiếp và điều hành tập thể cho ban cán sự lớp.

Thông qua các hoạt động sinh hoạt lớp, sinh hoạt Đội, hoạt động trải nghiệm và phong trào thi đua, nhà trường tạo điều kiện để ban cán sự lớp được thực hành, rèn luyện thường xuyên, qua đó nâng cao năng lực tự quản và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu

nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách theo dõi hoạt động giáo dục theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học, được lưu trữ theo quy định tại các bộ phận bao gồm:

Đối với nhà trường: Hồ sơ khen thưởng học sinh [H1-1.6-01]; Sổ gọi tên và ghi điểm (Sổ theo dõi và đánh giá học sinh) [H1-1.5-01]; Sổ đăng bộ [H1-1.6-02]; Sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ [H1-1.6-03]; Sổ theo dõi học sinh chuyên đi, chuyển đến [H1-1.6-04]; Học bạ của học sinh [H1-1.6-05]; Sổ ghi đầu bài [H1-1.6-06]; Sổ quản lý tài sản [H1-1.6-07]; Hồ sơ quản lý tài chính [H1-1.6-08]; Hồ sơ lưu trữ công văn đi, đến [H1-1.6-09]; Sổ quản lý thiết bị đồ dùng dạy học [H1-1.6-10]; Sổ theo dõi sức khỏe học sinh [H1-1.6-11]; Hồ sơ kiểm tra đánh giá cán bộ, giáo viên, nhân viên (hồ sơ kiểm tra nội bộ) [H1-1.6-12]; Hồ sơ giáo dục đối với học sinh hòa nhập [H1-1.6-13]; Hồ sơ phổ cập giáo dục [H1-1.6-14].

Đối với tổ chuyên môn: Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn [H1-1.4-03]; Sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn [H1-1.4-04].

Đối với giáo viên: Kế hoạch tổ nhóm chuyên môn [H1-1.4-03]; Kế hoạch bài dạy của giáo viên [H1-1.6-15]; Sổ theo dõi và đánh giá học sinh [H1-1.5-01]; Sổ chủ nhiệm [H1-1.5-02].

Trường đảm bảo việc thực hiện lưu trữ hồ sơ, văn bản đầy đủ, có cập nhật đúng quy định về các chế độ chính sách; chuyên môn nghiệp vụ theo đúng Luật lưu trữ, báo cáo đầy đủ các thông tin qua địa chỉ hộp thư điện tử, trang thông tin điện tử giữa trường với phường.

b) Nhà trường thực hiện đúng các quy định pháp luật về quản lý tài sản, tài chính hiện hành [H1-1.6-07]; [H1-1.6-08]. Kế toán đều thực hiện công khai tài chính theo quy định để cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia giám sát, kiểm tra. Việc công khai được thực hiện bằng hình thức thông báo trên bản tin thông báo ở phòng giáo viên (bảng công khai tài chính) [H1-1.1-02]. Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của trường luôn có sự kế thừa của các năm trước và được cập nhật bổ sung điều chỉnh trên cơ sở ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong Hội nghị Viên chức và Người lao động hằng năm. Quy chế chi tiêu nội bộ luôn rõ ràng và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường [H1-1.6-16].

Trường có xây dựng kế hoạch tự kiểm tra tài chính và được Ban thanh tra nhân dân giám sát [H1-1.6-17].

c) Hằng năm, trong Hội nghị viên chức và Người lao động, hiệu trưởng đều có báo cáo chi tiết rõ ràng và thông qua dự toán thu chi cho năm học [H1-1.6-18]. Việc sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích theo quy chế chi tiêu nội bộ của trường, có xây dựng kế hoạch đầu năm và thực hiện có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Công khai trên các bảng thông tin của nhà trường theo quy định công khai của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.1-02]; [H1-1.6-19] .

Mức 2

a) Bộ phận kế toán có sử dụng phần mềm MISA trong công tác quản lý tài chính và tài sản của nhà trường; Trường đã ký hợp đồng và sử dụng các phần mềm

ứng dụng: Vietschool, LMS để đồng trực cùng cơ sở dữ liệu ngành trong việc quản lý học sinh [H1-1.6-20]; chương trình quản lý cán bộ công chức do Sở Nội vụ triển khai để quản lý hồ sơ cá nhân, các thông tin được cập nhật đầy đủ, kịp thời [H1-1.6-16].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.6-19].

Mức 3

Nhà trường có xây dựng kế hoạch ngắn hạn nhưng chưa xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hệ thống các văn bản quy định về quản lý tài chính, tài sản và lưu trữ hồ sơ, chứng từ theo quy định. Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định của Nhà nước. Công khai tài chính, thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính theo quy định, xây dựng được quy chế chi tiêu nội bộ. Hoạt động tài chính minh bạch rõ ràng thực hiện theo đúng văn bản quy định về quản lý tài chính.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2025 - 2026 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phát huy và nâng cao việc thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

Trong năm học 2025 - 2026, hiệu trưởng cùng Hội đồng tư vấn sẽ xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn 05 năm, trung hạn 03 năm và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương nhằm định hướng cho công tác lập dự toán ngân sách nhà nước; tổ chức lấy ý kiến đóng

góp trong Hội đồng tư vấn, các đoàn thể trong nhà trường để đảm bảo hiệu quả khi xây dựng kế hoạch thực hiện.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trong những năm qua, nhà trường luôn có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, khuyến khích, đẩy mạnh, phát huy việc ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trường. Hằng năm, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ quản lý. Cán bộ quản lý đảm bảo các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và có kinh nghiệm trong công tác quản lý [H1-1.7-01], [H1-1.7-02].

b) Công tác phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên được thực hiện rõ ràng, hợp lý, đảm bảo đúng người đúng việc, đúng chuyên môn đào tạo. Tuy nhiên, việc phân công chuyên môn còn gặp khó khăn khi có giáo viên nghỉ hợ sản trong năm hoặc chưa tuyển dụng được giáo viên ở một số bộ môn (Nghệ thuật, Lịch sử và Đại lí) [H1-1.7-03].

c) Nhà trường đảm bảo đầy đủ các chế độ và chính sách cho viên chức quản lý, giáo viên, nhân viên tại Điều 10 của Điều lệ trường trung học và các văn bản hiện hành khác. Bảng lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên hằng tháng

được niêm yết công khai trên bảng thông tin. Đảm bảo các quyền của giáo viên như: quyền góp ý, phản biện [H1-1.7-04]; quyền được bồi dưỡng chuyên môn [H1-1.7-05]; quyền xử lý kỷ luật học sinh theo quy định [H1-1.7-06], [H1-1.7-07]; quyền được chăm lo đời sống, tinh thần [H1-1.7-08], [H1-1.7-09].

Mức 2

Nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Hằng năm, hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên dựa trên năng lực, sở trường và kinh nghiệm của từng cá nhân; lựa chọn các cá nhân tích cực để phân công quản lý tổ, nhóm. Tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập nâng chuẩn phát triển năng lực, hoạt động này được đưa vào tiêu chí thi đua hằng năm; có chế độ động viên khen thưởng, tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học. Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo, trong đó có nhiều giáo viên trên chuẩn.

Nhà trường có biện pháp phát huy năng lực đội ngũ qua việc tạo điều kiện tham gia tập huấn, bồi dưỡng, nâng chuẩn [H1-1.7-05], hỗ trợ học phí [H1-1.7-10], khen thưởng người đạt chứng chỉ nghiệp vụ [H1-1.7-11]. Việc nâng cao năng lực ngoại ngữ của giáo viên chưa đồng đều. Hiện tại, toàn ngành giáo dục đã và đang tiếp cận với các phương pháp học tập mới đòi hỏi giáo viên cần nỗ lực nhiều hơn trong chuyên môn.

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý đảm bảo các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và có kinh nghiệm trong công tác quản lý.

Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo, trong đó có nhiều giáo viên trên chuẩn.

Trường luôn quan tâm bồi dưỡng cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên.

Phần lớn giáo viên có ý thức cầu tiến, học hỏi, trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện đúng quyền, nhiệm vụ được quy định của Điều lệ trường trung học.

3. Điểm yếu

Việc phân công chuyên môn còn gặp khó khăn khi có giáo viên nghỉ hộ sản trong năm hoặc chưa tuyển dụng được giáo viên ở một số bộ môn (Nghệ thuật, Lịch sử và Đại lí).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2025 - 2026 và những năm tiếp theo, khi có giáo viên nghỉ hộ sản, hiệu trưởng chủ động hợp đồng giáo viên thỉnh giảng nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động chuyên môn của nhà trường. Đồng thời, hiệu trưởng báo cáo về Ủy ban nhân dân phường Bình Thạnh để được đăng ký tuyển dụng giáo viên ở những vị trí việc làm còn thiếu.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1

a) *Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

b) *Kế hoạch giáo dục được xây dựng, phê duyệt và được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời theo quy định;*

c) *Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.*

Mức 2

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, căn cứ chương trình giáo dục và kế hoạch thời gian năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch hoạt động chuyên môn để tổ chức và điều hành hoạt động giáo dục. Nhà trường có Kế hoạch tháng với những

nội dung công việc, phân công trách nhiệm cụ thể. Các kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01].

b) Nhà trường có xây dựng kế hoạch giáo dục. Hội đồng trường tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch giáo dục định kỳ. Các tổ chuyên môn hằng tháng họp theo đúng quy định, rà soát hoạt động dạy, chất lượng giáo dục của bộ môn, xây dựng điều chỉnh kế hoạch, thực hiện các chuyên đề thao giảng... nhằm nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.3-04] [H1-1.4-03]; [H1-1.4-06]; [H1-1.7-03].

c) Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục nhà trường đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Chủ động giao quyền cho giáo viên trong việc cụ thể hóa phân phối chương trình học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực học sinh một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với thực tế từng khối lớp đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng và thời lượng dạy học; linh hoạt xây dựng các nội dung tích hợp vào các môn học. Nhà trường có kế hoạch quản lý các hoạt động giáo dục chính khóa, chương trình giáo dục ngoài nhà trường đúng quy định thông qua bảng phân công chuyên môn, thời khóa biểu, ngoại khóa các khối [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H4-4.2-01].

Mức 2

Hằng năm, các phó hiệu trưởng định kỳ tiến hành kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động giáo dục thông qua việc rà soát đánh giá hoạt động dạy, chất lượng giáo dục của bộ môn để điều chỉnh kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, kiểm tra và đánh giá còn hạn chế [H1-1.3-04].

Hằng năm, hiệu trưởng có triển khai các quy định về dạy thêm, học thêm đến toàn thể giáo viên, nhân viên trong buổi họp toàn đơn vị. Trường không tổ chức dạy thêm trong nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của trường; có rà soát, đánh giá điều chỉnh kịp thời phù hợp với các văn bản chỉ

đạo. Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục, đảm bảo thực hiện đúng, đủ chương trình giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng.

3. Điểm yếu

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, kiểm tra và đánh giá còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2025 - 2026 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục tổ chức tập huấn thường xuyên về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, kiểm tra và đánh giá học sinh. Khuyến khích giáo viên sử dụng các phần mềm quản lý học tập, ngân hàng đề, chấm bài trực tuyến.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường thông qua Hội nghị Viên chức và Người lao động được tổ chức vào đầu năm học để bàn bạc, thảo luận, thống nhất về nghĩa vụ, quyền lợi, các chỉ tiêu phấn đấu cần thực hiện trong năm học mới [H1-1.6-18]. Chủ tịch công

đoàn là người đại diện cho người lao động ký kết thỏa ước việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị viên chức và người lao động. Ban Thanh tra nhân dân giám sát việc thực hiện qua việc kiểm tra định kỳ. Nhà trường nghiêm túc thực hiện công khai tài chính vào mỗi quý và cuối năm trong các buổi họp Hội đồng sư phạm, Hội nghị Viên chức và Người lao động, bảng thông tin tại phòng giáo viên để tất cả cán bộ, giáo viên, công nhân viên được biết [H1-1.7-04]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03].

Các kế hoạch hoạt động chuyên môn, hoạt động giáo dục năm học, tháng, học kỳ đều được cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bàn bạc và thống nhất trong các kỳ họp tổ, nhóm và họp hội đồng sư phạm. Tuy nhiên, việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến của tổ văn phòng trong xây dựng kế hoạch năm học của nhà trường đôi lúc chưa đi vào chiều sâu, chưa thiết thực, hợp lý [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H1-1.7-04].

b) Nhà trường đã xây dựng quy chế dân chủ và đảm bảo thực hiện theo đúng quy định. Tất cả các hoạt động đều được phổ biến công khai trong toàn trường, tạo điều kiện cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh tham gia trao đổi, bàn bạc, đóng góp ý kiến. Các kiến nghị, phản ánh của giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh nếu thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được nhà trường giải quyết hợp tình, hợp lý, đúng quy định pháp luật [H1-1.3-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

c) Hằng năm, chi bộ nhà trường có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở về Đảng ủy Phường và Phòng Văn hóa - Xã hội [H1-1.9-04].

Mức 2

Nhà trường thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Hằng tháng, Ban Thanh tra nhân dân của trường giám sát việc thực hiện công khai tài chính trên bảng thông tin ở phòng giáo viên. Các đoàn thể trong nhà trường phát huy tốt vai trò giám sát, phản biện đảm bảo thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong hoạt động của nhà trường. Hằng năm, trước khi tổ chức Hội nghị Viên chức - Người lao động, trường xây dựng dự thảo quy chế chi tiêu nội bộ, lấy ý kiến đóng góp trong các tổ và tập thể sư phạm. Quy chế có hiệu

lực sau khi đã thống nhất trong Hội nghị Viên chức - Người lao động [H1-1.6-18]; [H1-1.9-02].

2. Điểm mạnh

Các đoàn thể trong nhà trường phát huy tốt vai trò giám sát, phản biện đảm bảo thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong hoạt động của nhà trường. Ban thanh tra giám sát việc thực hiện quy chế và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 tại đơn vị đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến của nhân viên và người lao động trong xây dựng kế hoạch năm học của nhà trường đôi lúc chưa đi vào chiều sâu, chưa thiết thực, hợp lý.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2025 - 2026 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng ủy cấp trên, kịp thời báo cáo việc thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định. Tiếp tục xây dựng và triển khai các quy định về dân chủ cơ sở, quy chế phối hợp hoạt động giữa cán bộ quản lý với các tổ chức trong nhà trường ngay từ đầu năm học.

Năm học 2025 - 2026, hiệu trưởng tiếp tục triển khai thực hiện quy định về dân chủ cơ sở, quy chế phối hợp hoạt động giữa cán bộ quản lý với các đoàn thể trong nhà trường ngay từ đầu năm học. Hiệu trưởng sẽ chủ trì các cuộc họp tổ văn phòng đề định hướng, khuyến khích các cá nhân mạnh dạn góp ý nội dung các kế hoạch nhà trường ban hành đúng trọng tâm.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1

a) Đảm bảo theo quy định về an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2

a) Cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Ban An toàn trường học, Ban An ninh trật tự trường học; phối hợp với trung tâm Y tế dự phòng quận trong công tác phòng, chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02].

Nhà trường thực hiện tốt công tác trật tự, an toàn trong và ngoài nhà trường: phối hợp với Bảo vệ dân phố trong công tác giữ gìn trật tự an ninh trước cổng trường vào đầu giờ học và giờ về; thường xuyên kiểm tra An toàn vệ sinh thực phẩm, bếp ăn, căn tin; định kỳ hằng năm kiểm tra hệ thống nước [H1-1.10-02].

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành về phòng, chống cháy nổ. Định kỳ mỗi quý kiểm tra các thiết bị điện, các bình chữa cháy. Tổ chức các buổi truyền thông, tập huấn các kỹ năng phòng chống dịch bệnh, phòng chống thiên tai, kỹ năng sơ cấp cứu, phòng chống cháy nổ, phòng, chống các tệ nạn xã hội,... cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường. Tổ chức

các tiết kỹ năng sống về chủ đề phòng chống bạo lực trong nhà trường, trong giờ giáo dục công dân dạy các em về tình đoàn kết, yêu thương, chia sẻ,... góp phần chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-03].

Các nhân viên bảo vệ đảm bảo trực 24/24 giờ tại trường, thực hiện kiểm tra, kiểm soát phương tiện, người và tài sản ra, vào trường để phát hiện và phối hợp ngăn chặn các hiện tượng gây mất trật tự xã hội, ngăn chặn các hiện tượng xâm phạm tài sản công, tài sản của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Nhận xét, đánh giá ca trực được ghi nhận vào sổ trực của bảo vệ [H1-1.10-01].

Nhà trường thực hiện các quy định hiện hành về phòng, chống tai nạn, thương tích, về an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động; phân công và quy định rõ nhiệm vụ cụ thể các thành viên trong ban An toàn trường học trong việc phòng ngừa và xử trí khi xảy ra tai nạn hoặc dịch bệnh tại đơn vị [H1-1.10-02].

Nhà trường có hợp đồng với bếp ăn công nghiệp, phục vụ công tác bán trú. Bếp ăn được bố trí sắp xếp theo quy trình bếp ăn một chiều, có khu vực tiếp nhận, sơ chế thực phẩm riêng, phân chia thức ăn riêng. Nước sử dụng chế biến thực phẩm, vệ sinh dụng cụ ăn uống lấy từ nguồn nước sạch đã qua kiểm định. Dụng cụ phục vụ bếp ăn sử dụng chất liệu inox, trang bị các bình chữa cháy bằng khí. Ngoài ra bếp còn được gắn các loại bảng biểu theo quy định như: bảng nội quy, bảng thực đơn hằng ngày, bảng phân công nhiệm vụ, bảng 10 nguyên tắc vàng, nội quy phòng cháy chữa cháy, hướng dẫn vận hành tủ cơm, vận hành hệ thống ga, nội quy bán trú... [H1-1.10-04].

b) Nhà trường có trang bị hộp thư góp ý, hộp thư “*Điều em muốn nói*”, phòng tiếp dân để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của học sinh, cha mẹ học sinh và người dân [H1-1.9-02].

Nhà trường đã đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Trong nhà trường, các khu vực nguy hiểm đều gắn bảng cảnh báo. Trong nhiều năm qua, nhà trường phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, tình hình an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường học được đảm bảo tốt, trường không xảy ra dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm tập thể hay các tai nạn gây thương tích với học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.10-01].

c) Công tác tuyên truyền phòng chống bạo lực học đường luôn được nhà trường quan tâm thực hiện thông qua các giờ sinh hoạt dưới cờ, các buổi giáo dục kỹ năng sống và các tiết sinh hoạt chủ nhiệm. Vì vậy, học sinh luôn đoàn kết và giúp đỡ nhau trong sinh hoạt và học tập, không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới xảy ra, không xảy ra các trường hợp học sinh bạo lực trong nhà trường. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có tinh thần phối hợp chặt chẽ, không để xảy ra tình trạng mất an ninh trong và ngoài nhà trường. Chính quyền địa phương nơi nhà trường trú đóng hỗ trợ tích cực, hiệu quả trong công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội [H1-1.10-03].

Mức 2

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-02]; [H1-1.10-05].

Trường phối hợp với Công an Phòng cháy chữa cháy khu vực tổ chức truyền thông và diễn tập phòng, chống cháy, nổ và cứu nạn cứu hộ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường. Nhà trường phối hợp với Trung tâm y tế dự phòng báo cáo truyền thông vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-06].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự thông qua chính quyền địa phương cụ thể là phối hợp với lực lượng bảo vệ khu phố giữ trật tự vào giờ cao điểm trước cổng trường, không cho học sinh ra ngoài cổng trường giờ ra chơi, nhắc nhở học sinh không mua quà trước cổng trường đầu giờ và giờ ra về. Bộ phận quản sinh, đội sao đỏ ghi nhận các trường hợp vi phạm để đưa vào nội dung thi đua hằng ngày, hằng tuần. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại việc buôn bán hàng rong khu vực cổng trường, nằm ngoài khu vực quản lý của nhà trường nên cần sự hỗ trợ, giúp đỡ của chính quyền địa phương [H1-1.10-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn đảm bảo về tình hình an ninh, an toàn phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa, phòng chống dịch bệnh,...

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có tinh thần phối hợp chặt chẽ, không để xảy ra tình trạng mất an ninh trong và ngoài nhà trường.

3. Điểm yếu

Vẫn còn tình trạng buôn bán hàng rong khu vực gần cổng trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2025 - 2026 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, phương án phối hợp với bảo vệ dân phố, công an phường Bình Thạnh trong việc đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực trường trú đóng.

Tổng phụ trách, quản sinh, giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh thường xuyên tuyên truyền nhắc nhở học sinh không mua quà trước cổng trường nhằm khắc phục tình trạng bán hàng rong.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật

Chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với các nguồn lực của nhà trường và được công bố công khai. Các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, đóng góp tích cực trong các hoạt động, phối hợp chặt chẽ với nhà trường và hoạt động đạt hiệu quả.

Ứng dụng công nghệ thông tin và phần mềm hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

Điểm yếu cơ bản

Nhà trường chưa xây dựng giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển. Chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

Sĩ số học sinh mỗi lớp của trường vượt quá 45 học sinh.

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 10/10 (1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8, 1.9, 1.10)

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1: 00/10

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 09/10 (1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.6, 1.7, 1.8, 1.9, 1.10)

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2: 01/10 (1.5)

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 00/10

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3: 10/10 (1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8, 1.9, 1.10)

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu

Trường có cán bộ quản lý trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. Đội ngũ giáo viên có năng lực, tinh thần trách nhiệm cao đảm bảo cho việc thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường, đạt chuẩn trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp. Nhân viên được phân công phù hợp với công việc, hợp lý theo năng lực. Số lượng học sinh đảm bảo về tuổi đi học và được đảm bảo các quyền theo quy định.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đảm bảo đủ tiêu chuẩn về trình độ, tất cả đều có trình độ đào tạo đạt chuẩn, trên chuẩn, năng lực và số năm công tác theo quy định tại Điều lệ trường trung học: hiệu trưởng có thời gian giảng dạy là 29 năm, phó hiệu trưởng có thời gian giảng dạy lần lượt là 23 năm và 16 năm [H2-2.1-01], [H2-2.1-02].

b) Hằng năm, nhà trường đã tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đánh giá hiệu trưởng và phó hiệu trưởng theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Tất cả cán bộ quản lý đều được Phòng Giáo dục và Đào tạo, tập thể sư phạm nhà trường đánh giá [H2-2.1-01] [H2-2.1-02].

Năm học/Xếp loại	Tốt	Khá	Đạt
2020 - 2021	00	03/03 (100 %)	00
2021 - 2022	00	03/03 (100 %)	00

2022 - 2023	00	03/03 (100 %)	00
2023 - 2024	00	03/03 (100 %)	00
2024 - 2025	00	03/03 (100 %)	00

Kết quả đánh giá theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

c) Hằng năm, cán bộ quản lý tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường trung học: phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực quản lý, đủ sức khỏe theo yêu cầu, được tập thể giáo viên, nhân viên tín nhiệm [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều đánh giá đạt chuẩn ở mức khá [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

b) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị và tham dự đầy đủ các khóa học, lớp học theo quy định. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều có phẩm chất chính trị tốt và năng lực quản lý vững vàng được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. Tuy nhiên, khả năng giao tiếp bằng Tiếng Anh của cán bộ quản lý còn hạn chế.

Họ và tên	Trung cấp Lí luận chính trị	Bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông	Hoàn thành khóa học bồi dưỡng hiệu trưởng	Bồi dưỡng an ninh quốc phòng	Có khả năng giao tiếp hành chính cơ bản bằng tiếng Anh
Phạm Thị Thủy (Hiệu trưởng)	X	X	X	X	X

Trần Thị Ngọc Minh (Phó Hiệu trưởng)	X	X	X	X	X
Vũ Minh Vương (Phó Hiệu trưởng)	X	X	X	X	X

Hồ sơ văn bằng, chứng chỉ, bảng kết quả học tập chính trị của cán bộ quản lý [H2-2.1-03].

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn đạt ở mức khá [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý đảm bảo các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và có kinh nghiệm trong công tác quản lý và được sự tin nhiệm cao của tập thể sư phạm nhà trường, học sinh, cha mẹ học sinh.

3. Điểm yếu

Khả năng giao tiếp bằng Tiếng Anh của cán bộ quản lý còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2025 - 2026 và các năm học tiếp theo, cán bộ quản lý nhà trường tiếp tục tích cực tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ Tiếng Anh, trình độ chuyên môn và nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục

b) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo kế hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Có ít nhất 95 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60 % đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50 % ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

b) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30 % đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70 % đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20 % đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Tính đến tháng 5 năm 2025, Trường Trung học cơ sở Lê Văn Tám có 76 giáo viên được phân bổ dạy đầy đủ các bộ môn học bắt buộc theo quy định [H1-1.7-02], học sinh được học đầy đủ số tiết của tất cả các môn học theo đúng số tiết quy định trong phân phối chương trình [H2-2.2-01].

b) Nhà trường có 76 giáo viên, trong đó có 12 giáo viên có trình độ thạc sĩ, 100 % giáo viên có trình độ đại học [H2-2.2-02].

Năm học	Số lượng giáo viên	Sau đại học	Đại học	Cao đẳng
2020 - 2021	71	03	66	02
2021 - 2022	70	03	65	02
2022 - 2023	71	02	67	02
2023 - 2024	76	09	66	01
2024 - 2025	76	12	64	00

c) Bảng đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên hằng năm như sau:

Tính đến thời điểm tháng 5 năm 2025, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên hằng năm là 76/76 đạt tỷ lệ 100 % [H2-2.2-03].

Năm học	Số lượng giáo viên	Đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt
2020 - 2021	71	71
2021 - 2022	70	70
2022 - 2023	71	71
2023 - 2024	76	76
2024 - 2025	76	76

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025, trường có 100 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt và 100 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên. [H1-1.4-05].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá: tất cả giáo viên đều có phẩm chất đạo đức tốt. Nhà trường có đội ngũ giáo viên năng động, tích cực có khả năng xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, dạy nghề, thông qua đó để định hướng và phân luồng học sinh phù hợp với tình hình thực tế. Giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động lồng ghép trong các tiết thí nghiệm môn Khoa học tự nhiên, tiến hành đo đạc trong môn Toán... giáo viên có khả năng hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. Hằng năm, giáo viên thực hiện hướng dẫn học sinh nghiên cứu những đề tài liên quan thực tế cuộc sống và dự thi cấp quận, cấp thành phố [H2-2.2-03]; [H2-2.2-04]. Trong các hoạt động hướng nghiệp, giáo viên chủ nhiệm lớp 9 thực hiện tư vấn

hướng nghiệp, định hướng cho học sinh và cha mẹ học sinh có phương hướng lựa chọn sau tốt nghiệp [H1-1.2-05]. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường có 100 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó tỷ lệ 30 % đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt chưa đảm bảo [H2-2.2-03].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 05 nghiên cứu khoa học đạt giải trong đó có bốn đề tài được dự thi cấp Thành phố, 01 đề tài dự thi cấp quốc gia: đề tài “Nhận thức về bạo lực ngôn ngữ của học sinh Trung học cơ sở”, [H2-2.2-06]. Một số ít giáo viên do tuổi cao nên còn hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy - học và nghiên cứu.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên có trình độ đào tạo từ đạt chuẩn trở lên, trong đó có 12 thạc sĩ các môn Tin học, KHTN, Lịch sử, Toán học, Công nghệ, Ngữ văn. Đội ngũ giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần đoàn kết, hỗ trợ nhau cùng tiến bộ trong công tác.

3. Điểm yếu

Một số ít giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học còn hạn chế. Kết quả hướng dẫn nghiên cứu khoa học chưa ổn định ở các năm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025 - 2026, hiệu trưởng tiếp tục duy trì đủ số lượng, cơ cấu giáo viên cho tất cả các môn học. Hiệu trưởng phối hợp với các đoàn thể và các tổ trưởng chuyên môn tiếp tục vận động giáo viên tham gia các lớp ứng dụng công nghệ thông tin. Cán bộ quản lý, tổ chuyên môn thường xuyên dự giờ các giáo viên trẻ để đánh giá, rút kinh nghiệm trong việc giảng dạy và quản lý học sinh. Đồng thời, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên có khả năng hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học để kết quả tốt hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có 09 nhân viên thuộc Tổ Văn phòng được phân công như sau: 01 nhân viên kế toán; 01 nhân viên văn thư; 01 nhân viên y tế; 01 nhân viên thư viện; 01 nhân viên thủ quỹ; 02 nhân viên bảo vệ; 02 nhân viên phục vụ; đồng thời để đảm bảo hoạt động nhà trường ổn định, nhà trường ký hợp đồng 02 nhân viên quản sinh và phân công giáo viên kiêm nhiệm thực hiện một số nhiệm vụ theo phân công của hiệu trưởng [H1-1.4-04].

b) Các nhân viên được phân công công việc phù hợp với năng lực, trình độ và vị trí việc làm, thực hiện nhiệm vụ theo đúng chức trách được giao; việc phân công được thể hiện rõ trong quyết định phân công nhiệm vụ hằng năm của nhà trường [H2-2.3-01].

c) Tất cả các nhân viên phối hợp hoạt động tốt, đảm bảo đầy đủ các hoạt động hành chính trong nhà trường và đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H1-1.4-05].

Mức 2

a) Số lượng và cơ cấu 09 nhân viên của nhà trường đảm bảo theo khung vị trí việc làm quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2-2.3-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.4-05].

Mức 3

a) Nhân viên nhà trường có trình độ đào tạo cơ bản đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, trong đó: 01 nhân viên kế toán có bằng cao đẳng; 01 nhân viên thủ quỹ có bằng cao đẳng; 01 nhân viên thư viện có bằng trung cấp; 01 nhân viên y tế có bằng trung cấp; 01 nhân viên văn thư có bằng trung cấp; 02 nhân viên bảo vệ và 02 nhân viên phục vụ được tuyển dụng theo quy định hiện hành [H2-2.2-01], [H2-2.3-02].

b) Hằng năm, các nhân viên được cử tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do Trường Đại học Sài Gòn, Ủy ban nhân dân Phường tổ chức. Tuy nhiên, hiện nay nhà trường còn một số nhân viên bảo vệ, nhân viên phục vụ và viên chức còn thiếu chứng chỉ nghiệp vụ chuyên sâu theo yêu cầu, cần tiếp tục được bồi dưỡng trong thời gian tới [H2-2.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhân viên nhà trường chấp hành nghiêm túc nội quy cơ quan, được phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực và vị trí việc làm; phối hợp tốt với các bộ phận liên quan, góp phần đảm bảo các hoạt động hành chính và phục vụ giáo dục của nhà trường diễn ra ổn định.

3. Điểm yếu

Một số nhân viên bảo vệ, phục vụ và viên chức chưa có đầy đủ chứng chỉ nghiệp vụ theo yêu cầu vị trí việc làm, cần tiếp tục được bồi dưỡng, tập huấn để nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2025 - 2026 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phân công nhiệm vụ cho nhân viên phù hợp theo năng lực và xây dựng kế hoạch nâng cao trình độ đào tạo cho đội ngũ nhân viên.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1

- a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Tất cả học sinh của trường đều đảm bảo về độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường trung học. Học sinh lớp 6 là 11 tuổi, lớp 7 là 12 tuổi, lớp 8 là 13 tuổi và lớp 9 là 14 tuổi [H2-2.4-01]; [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.6-02].

b) Học sinh của nhà trường đã thực hiện các nhiệm vụ của học sinh như: kính trọng thầy cô, nhân viên [H2-2.4-02]; đoàn kết giúp đỡ nhau trong học tập [H1-1.5-02]; thực hiện tốt nội quy nhà trường, quy định pháp luật [H2-2.4-03]; thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường [H2-2.4-02]; tham gia các hoạt động của trường, lớp, tập thể, Đội Thiếu niên Tiên phong; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1.3-03]; [H1-1.3-02]; giúp đỡ gia đình, tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông. Giữ gìn, bảo vệ tài sản của trường, nơi công cộng; góp phần gìn giữ, bảo vệ môi trường, tài sản nhà trường và phát huy truyền thống của nhà trường [H2-2.4-04]; [H2-2.4-05].

c) 100 % học sinh được tôn trọng, bảo vệ và hưởng đủ các quyền theo quy định hiện hành. 100 % học sinh được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được bảo đảm những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an

toàn để học tập ở lớp và tự học ở nhà, được cung cấp thông tin về việc học tập của mình, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hoá, thể thao của nhà trường theo quy định. Được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ, được quyền khiếu nại với nhà trường và các cấp quản lý giáo dục về những quyết định đối với bản thân mình. Được quyền chuyển trường khi có lý do chính đáng theo quy định hiện hành. Được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức nếu có đủ điều kiện; được giáo dục kỹ năng sống. Được nhận học bổng hoặc trợ cấp khác theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn về đời sống và những học sinh có năng lực đặc biệt. Học sinh nhà trường được quyền đảm bảo bình đẳng trong hưởng thụ giáo dục toàn diện [H1-1.8-01], đảm bảo về điều kiện cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn tại lớp học [H1-1.5-02].

Học sinh được tôn trọng, bảo vệ, đối xử bình đẳng, dân chủ [H1-1.5-01]; được hưởng chế độ và chính sách đối với gia đình xóa đói giảm nghèo [H2-2.4-06].

Mức 2

Đối với học sinh vi phạm các hành vi không được làm như: nói tục, chửi thề, xả rác, trang phục không đúng quy định...được phát hiện kịp thời, phó hiệu trưởng phụ trách kỷ luật, giáo viên chủ nhiệm, bộ phận quản sinh phối hợp cùng gia đình theo dõi giúp đỡ, động viên học sinh vi phạm và học sinh đã có sự chuyển biến tích cực và phối hợp với cha mẹ học sinh để cùng điều chỉnh hành vi của học sinh. Ý thức chấp hành của học sinh được nâng cao [H1-1.5-02].

Mức 3

Hàng năm, số lượng học sinh đạt giải trong học tập cấp quận và cấp thành phố, quốc gia chiếm tỷ lệ cao. Thành tích của các em học sinh đã có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và trường. Tuy nhiên, công tác nêu gương, biểu dương, tôn vinh cần được tổ chức kịp thời và đa dạng về hình thức [H1-1.3-04].

STT	Năm học	Cấp quận	Cấp thành phố	Cấp quốc gia
1.	2020 - 2021	167 học sinh	46 học sinh	05 học sinh
2.	2021 - 2022	148 học sinh	45 học sinh	01 học sinh
3.	2022 - 2023	128 học sinh	36 học sinh	00 học sinh
4.	2023 - 2024	159 học sinh	52 học sinh	00 học sinh
5.	2024 - 2025	146 học sinh	48 học sinh	00 học sinh

2. Điểm mạnh

Thành tích học tập và rèn luyện của học sinh toàn trường được giữ vững và nâng cao.

3. Điểm yếu

Công tác nêu gương, biểu dương, tôn vinh cần được tổ chức kịp thời và đa dạng về hình thức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2025 - 2026, nhà trường tiếp tục tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh trong công tác biểu dương, nêu gương các em có thành tích trong học tập, rèn luyện có sự ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường. Đồng thời tổ chức đa dạng hơn nữa các hình thức biểu dương, tôn vinh từ đó lan tỏa đến các em học sinh toàn trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn về trình độ và năng lực theo quy định, hằng năm đều thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, được đảm bảo các quyền và chế độ chính sách theo quy định. Nhân viên đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, thực hiện tốt công việc được phân công.

Học sinh thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ, đạt nhiều thành tích cao trong các kỳ thi cấp quận, thành phố, góp phần nâng cao uy tín và thương hiệu nhà trường.

Điểm yếu cơ bản

Năng lực ngoại ngữ của cán bộ quản lý cần được cải thiện. Số ít giáo viên gặp khó khăn trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học. Một bộ phận

nhỏ học sinh chưa thật sự tự giác trong rèn luyện nề nếp, kỷ luật; sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục toàn diện cần được duy trì thường xuyên, chặt chẽ hơn.

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 04/04 (2.1, 2.2, 2.3, 2.4)

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1: 00/04

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 03/04 (2.1, 2.2, 2.3, 2.4)

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2: 00/04

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 01/04 (2.3)

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3: 03/04 (2.1, 2.2, 2.4)

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Cơ sở vật chất của trường như: khuôn viên, sân chơi, bãi tập, khu vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch và các phòng học, phòng chức năng của nhà trường đảm bảo yêu cầu cho hoạt động dạy, học và đẩy mạnh các hoạt động giáo dục toàn diện, đáp ứng tốt cho hoạt động dạy học, sinh hoạt của giáo viên, học sinh theo quy định chung.

Hàng năm, trường đều thực hiện việc bảo quản, duy trì sửa chữa cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao hiệu quả công tác.

Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

- a) *Vị trí đặt trường, điểm trường;*
- b) *Quy mô;*
- c) *Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình.*

1. Mô tả hiện trạng

a) Trường Trung học cơ sở Lê Văn Tám được thành lập năm 1996, tọa lạc tại số 107F Chu Văn An, phường Bình Thạnh. Khuôn viên trường tách biệt, yên tĩnh, an ninh, các lớp học thoáng mát tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy và học tập. Trong khuôn viên nhà trường được trồng nhiều cây xanh, hoa kiểng,

tạo môi trường xanh. Sân trường được lát gạch bằng phẳng và được vệ sinh thường xuyên nên sạch, đẹp và an toàn [H3-3.1-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp, trường Trung học cơ sở Lê Văn Tám duy trì quy mô ổn định từ 46 đến 50 lớp, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh [H3-3.1-02]. Số lượng học sinh hằng năm dao động theo tình hình tuyển sinh nhưng đều bảo đảm kế hoạch phát triển giáo dục của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh [H3-3.1-03].

Kết cấu công trình của trường gồm 04 khối:

- Khối A có 21 phòng,
- Khối B có 15 phòng,
- Khối C có 12 phòng,
- Khối D có 15 phòng học.

Trường có sân rộng thoáng, có khu vực đưa đón học sinh an toàn. Nhà trường có đủ phòng học phục vụ giảng dạy theo quy định, bảo đảm tổ chức dạy học 02 buổi/ngày. Các phòng học được bố trí hợp lý tại các khối nhà, đáp ứng yêu cầu sử dụng an toàn, hiệu quả; đồng thời bố trí đầy đủ các phòng phục vụ học tập và hoạt động giáo dục theo kế hoạch năm học [H3-3.1-04].

Quy mô nhà trường đáp ứng yêu cầu tại Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương.

c) Trường được xây dựng trên khuôn viên 8.845,8 m², với diện tích xây dựng 2.637,4 m², diện tích sàn sử dụng 7.542 m², tổng diện tích sân chơi bãi tập 3.300m². Khu vực sân chơi có cây tạo bóng mát và đảm bảo vệ sinh, an toàn cho luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục, sinh hoạt dưới sân, các chuyên đề giáo dục kỹ năng sống, các hoạt động lễ, hội [H3-3.1-05]; [H3-3.1-06]; [H3-3.1-07].

Diện tích xây dựng các hạng mục trường: phòng học 64 m² (1,47 m²/học sinh), Phòng Thực hành Khoa học tự nhiên 80 m² (2,2 m²/học sinh), Phòng Vi tính 96 m² (2,2 m²/học sinh), Phòng Thư viện 197 m² (trong đó: Phòng Đọc giáo viên 97 m², phòng Đọc học sinh 100 m²), Phòng Thiết bị giáo dục 34 m², Phòng Truyền thống 50 m², Phòng Tư vấn học đường và Hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết

tật học hòa nhập 30 m², Phòng Đoàn thể 64 m² (0,035 m²/học sinh) gồm Công đoàn, Chi đoàn và Liên đội, Phòng Giáo viên 82 m², Phòng Y tế 24 m², Phòng Nghỉ giáo viên 16 m², Phòng Tập luyện thể dục thể thao là 280 m², Phòng Hội trường 486 m², sân trường 2.021,75 m², khu vực học sinh ăn bán trú 764 m² (0,92 m²), Phòng Tiếp công dân 24 m², khu để xe học sinh 326,25 m² (0,36 m²/xe đạp). Do số lượng học sinh đông nên nhà trường chưa đáp ứng đúng quy định về diện tích bình quân tối thiểu 6 m² cho một học sinh [H3-3.1-08].

2. Điểm mạnh

Việc bố trí tổng thể trong khu vực của nhà trường hợp lý, các khu chức năng được bố trí riêng biệt khoa học và đảm bảo mỹ quan trường học. Khuôn viên nhà trường luôn được giữ gìn vệ sinh đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp với nhiều cây xanh. Nhà trường có khu sân chơi bãi tập cho học sinh an toàn, thoáng mát sạch sẽ. Vị trí trường học thuận tiện, có hai cổng ra vào giúp cha mẹ học sinh đưa đón con em thuận lợi, đảm bảo an toàn và trật tự giao thông khu vực trước cổng trường.

3. Điểm yếu

Do số lượng học sinh đông nên nhà trường chưa đáp ứng đúng quy định về diện tích bình quân tối thiểu 6 m² cho một học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 4 năm 2026 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường Bình Thạnh để có kế hoạch quy hoạch mạng lưới trường lớp và phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, nhằm đảm bảo số lớp và sĩ số học sinh trên mỗi lớp theo đúng quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1

- a) Khối phòng hành chính quản trị;
- b) Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập;

c) *Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt.*

Mức 2

Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

a) *Khối phòng hành chính quản trị;*

b) *Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập;*

c) *Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt.*

Mức 3

Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

a) *Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập;*

b) *Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trường có 10 phòng thuộc khối hành chính - quản trị và được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, với đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Trong đó, có 01 Phòng Hiệu trưởng, 02 Phòng Phó hiệu trưởng, 01 Phòng Y tế, 01 Phòng Hội đồng giáo viên, 01 Phòng Bảo vệ, 01 Phòng Tiếp công dân, 01 Phòng Giáo vụ, 01 Phòng Tài chính-Kế toán. Tất cả các phòng phục vụ cho hành chính - quản trị và được trang bị máy tính có kết nối internet đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường.

Phòng Bảo vệ, Phòng Tiếp công dân đặt ở lối ra vào cổng trường thuận tiện cho việc quan sát và tiếp công dân. Khu vệ sinh giáo viên, nhân viên, học sinh được bố trí riêng biệt. Khu vực để xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên có mái che, đảm bảo đủ chỗ và an toàn phòng chống cháy nổ [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03]; [H1-1.10.06].

b) Nhà trường có các khối công trình theo quy định: có 50 phòng học đảm bảo yêu cầu về ánh sáng, thông thoáng, bàn ghế và trang thiết bị phục vụ dạy học. Bên cạnh đó, nhà trường có 05 phòng học bộ môn, gồm 01 phòng thực hành Khoa

học tự nhiên, 02 phòng STEM - Công nghệ và 02 phòng Tin học, phục vụ cho hoạt động dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông.

Khối phòng hỗ trợ học tập gồm 01 thư viện thông minh, 01 Phòng Thiết bị giáo dục, 01 Phòng Tư vấn học đường và Hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hoặc hòa nhập, 01 Phòng Truyền thông và 01 Phòng Đoàn thể (Công đoàn - Chi đoàn - Liên đội). Các phòng được trang bị bàn ghế, hệ thống chiếu sáng, quạt, âm thanh và các thiết bị cần thiết, đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường. Đặc biệt thư viện nhà trường được công nhận thư viện trường học xuất sắc. Thư viện có tổng diện tích 197 m², được kết hợp với phòng vi tính trang bị 25 máy tính PC, 24 laptop, 02 tivi 75 inch kết nối Internet; tài liệu được số hóa và quản lý trên các nền tảng trực tuyến, phục vụ hiệu quả hoạt động dạy học và học tập của giáo viên, học sinh. [H3-3.2-04]; [H3-3.2-05]; [H3-3.2-06]; [H3-3.2-07]; [H3-3.1-08]

c) Khối phòng phụ trợ: Nhà trường có 01 Phòng Hội trường dùng để họp Hội đồng sư phạm hàng tháng. Phòng được trang bị đầy đủ âm thanh, đèn quạt, máy lạnh, màn hình led, bàn ghế,... theo đúng quy định hiện hành; 01 Phòng Hội đồng giáo viên dành cho giáo viên sinh hoạt chung trong giờ giải lao và các tổ chuyên môn hội họp; 01 Phòng Y tế có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh theo đúng quy định; 07 nhà kho được đặt ở tầng trệt, lầu 1 và lầu 2; khu để xe học sinh được bố trí ngay sau cổng trường, thuận tiện cho việc để xe cho học sinh ra vào; 01 nhà thi đấu đa năng 02 sân chơi có mái che, khu để xe giáo viên và học sinh, phòng ăn và phòng nghỉ giáo viên, nhà vệ sinh riêng nam - nữ.

Khuôn viên của trường được xây tường rào, bảo đảm vững chắc, an toàn, cổng trường kiên cố, vững chắc biển tên trường được gắn phù hợp với cảnh quan xung quanh; trường có 02 khu sân chơi và thể dục thể thao được sử dụng chung, sân trường bằng phẳng, có cây xanh bóng mát, có mái che đảm bảo cho học sinh học thể dục và tham gia các hoạt động giáo dục ngoài trời do nhà trường tổ chức. Trong sân trường có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh và thường xuyên được kiểm tra mức độ an toàn [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Mức 2

a) Khối phòng hành chính quản trị: có phòng làm việc riêng cho hiệu trưởng với diện tích 14 m² và 02 phòng phó hiệu trưởng với diện tích 12 m²; 01 Phòng Tài chính-Kế toán, các phòng làm việc đều được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định và được kết nối mạng internet chất lượng tốt. Nhà trường có 12 máy tính văn phòng, 14 máy in, 02 máy photo, 100 % kết nối internet, hệ thống mạng không dây kết nối 24/24 nhằm phục vụ công tác quản lý và giảng dạy, đảm bảo cho khối văn phòng làm việc ổn định. Trường trang bị hệ thống camera đặt máy chủ tại phòng giáo viên kết nối với 77 mắt quan sát được toàn bộ hành lang, cầu thang... nhằm theo dõi, quan sát hoạt động của học sinh [H3-3.2-01].

b) Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập: Nhà trường có các phòng học bộ môn phục vụ hoạt động dạy học, gồm 01 Phòng Thực hành Khoa học tự nhiên (diện tích 96 m²), 02 phòng Tin học (mỗi phòng 96 m², tổng số 125 máy tính được kết nối Internet), 02 phòng STEM – Công nghệ và 01 phòng đa năng phục vụ sinh hoạt chuyên môn chung (diện tích 96 m²). Các phòng học bộ môn được trang bị bàn ghế, ánh sáng và thiết bị dạy học cơ bản, đáp ứng yêu cầu sử dụng thường xuyên. Tuy nhiên, số lượng và cơ cấu phòng học bộ môn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2, còn thiếu một số phòng bộ môn theo quy định. [H3-3.2-05].

c) Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt: khối phòng hỗ trợ và phụ trợ gồm phòng Đoàn - Đội (64 m²), khu vực tập trống kèn (90 m²), hội trường/nhà đa năng (486 m²), sân trước (1.100 m²) và sân giữa (1.024 m²), phục vụ các hoạt động giáo dục, sinh hoạt tập thể và rèn luyện thể chất cho học sinh. Các hạng mục này được khai thác, sử dụng thường xuyên; tuy nhiên, việc bố trí và mức độ đồng bộ chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 [H3-3.2-06].

Mức 3

Nhà trường chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, do đó chưa đạt yêu cầu cơ sở vật chất mức độ 3.

a) **Khôi phòng học tập; khôi phòng hỗ trợ học tập:** các phòng học của trường có đầy đủ bàn ghế học sinh, bàn giáo viên và bảng; phòng học bộ môn được trang bị các thiết bị dạy học. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu phòng bộ môn: Nghệ thuật, Khoa học xã hội và một số phòng bộ môn chưa thật sự đầy đủ diện tích theo quy định.

b) **Khôi phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao:** Nhà trường có khu sân chơi, bãi tập và nhà đa năng phục vụ hoạt động thể dục thể thao và sinh hoạt chung; các thiết bị vận động được bố trí và sử dụng thường xuyên. Tuy nhiên, quy mô và mức độ đồng bộ của các hạng mục này chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu cơ sở vật chất mức độ 3 theo quy định hiện hành [H3-3.2-05]; [H3-3.2-06]; [H3-3.2-07]; [H3-3.2-08].

2. Điểm mạnh

Phòng học sạch sẽ, khang trang, các lớp đều có máy chiếu, bảng từ, quạt, máy lạnh, đèn led đủ độ sáng và sự thông thoáng. Khôi phục vụ học tập đã hỗ trợ tốt cho việc dạy và học cũng như các hoạt động giáo dục khác của nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có đủ các phòng bộ môn theo quy định; còn thiếu phòng Nghệ thuật và phòng họp chuyên môn cho các tổ.

Phòng thiết bị có diện tích nhỏ hơn tiêu chuẩn, chưa thuận lợi cho việc sắp xếp, bảo quản và sử dụng hiệu quả các thiết bị dạy học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025 - 2026, hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận cơ sở vật chất khảo sát và tiến hành cải tạo, bố trí lại phòng học ở khu A để đáp ứng tiêu chuẩn của Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiệu trưởng tham mưu Ủy ban nhân dân phường Bình Thạnh hỗ trợ kinh phí để cải tạo, coi nói, sửa chữa các phòng bộ môn và phòng thiết bị đáp ứng đúng diện tích theo quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ

giáo dục và Đào tạo

Mức 1

a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu thu gom rác thải;

b) Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố;

c) Thiết bị dạy học.

Mức 2

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mức 3

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường sử dụng nguồn nước thủy cục cung cấp, 01 bồn nước đặt tại khu giữ xe học sinh, 07 bồn nước đặt trên tầng 2, 02 máy bơm áp lực luôn đảm bảo đủ nguồn nước sinh hoạt. Nhà trường có trang bị hệ thống xử lý nước tiết trùng cho học sinh; trang bị nước tiết trùng cho giáo viên, nhân viên. Nhà trường có một trạm điện riêng đặt ở sân trước khu nhà xe học sinh có rào chắn đảm bảo an toàn và đủ công suất cho hoạt động của nhà trường; hệ thống phòng cháy chữa cháy gồm 01 hồ âm 5 m² và 02 máy bơm nước chữa cháy đảm bảo công tác chữa cháy, bên cạnh đó có 05 cầu thang bộ đảm bảo lối thoát hiểm khi có sự cố; trường có 02 đường cáp quang trong đó 01 đường phục vụ cho khối hành chính - quản trị, 01 đường dành cho phòng máy vi tính. Hệ thống mạng không dây (Wi-Fi) được phủ sóng toàn trường, tuy nhiên tốc độ đường truyền chưa ổn định; 01 đường mạng điện thoại đảm bảo thông tin liên lạc 24/24; trường có 01 khu tập kết rác nằm ở sân sau cách xa khu vực phòng học của học sinh, đảm bảo không gây ảnh hưởng tới học sinh. Trường ký hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt và rác thải y tế. Rác thải sinh hoạt được thu gom hằng ngày [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02]; [H3-3.3-03]; [H3-3.3-04]; [H3-3.3-05]; [H3-3.3-06].

b) Các khối công trình xây dựng được liên kết với nhau và đều có lối đi chung thông thoáng. Tổng diện tích xây dựng kiên cố: 3.803,4 m², mật độ xây dựng kiên cố: 43,29 % [H3-3.3-07]. Nhà trường từng bước đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất theo hướng kiên cố, đồng bộ và bền vững hơn, đáp ứng yêu cầu về an toàn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, một số hạng mục như hệ thống điện dự phòng, hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động và một vài khu vực công trình phụ (nhà vệ sinh học sinh, nền sân trường) còn chưa đồng bộ, có dấu hiệu xuống cấp, sụt lún cần được cải tạo, nâng cấp để đảm bảo an toàn.

c) Hằng tháng, hằng quý, nhà trường tiến hành kiểm tra, sửa chữa, bổ sung các thiết bị dạy học. Nhà trường đảm bảo đầy đủ thiết bị và đồ dùng dạy học tối thiểu cho tổ nhóm chuyên môn như: tranh ảnh, bản đồ, mô hình... phục vụ dạy và học các môn theo Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2021 [H3-3.2-08]; [H3-3.3-09]; [H3-3.3-10]; [H3-3.3-11]; [H3-3.3-12]; [H3-3.3-13]; [H3-3.2-14].

Mức 2

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

a) Diện tích xây dựng công trình: Nhà trường có tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố và mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể:

Tổng diện tích xây dựng kiên cố của nhà trường là 3.803,4 m², chiếm khoảng 43,29 % tổng diện tích khuôn viên, không vượt quá 45 % theo quy định [H3-3.1-01]; [H3-3.3-07].

b) Diện tích sân vườn, cây xanh, sân chơi, sân thể dục thể thao: không dưới 30 %. Nhà trường có khu vực sân vườn, cây xanh, sân chơi và khu thể dục thể thao được bố trí trong khuôn viên trường, cơ bản đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo tiêu chuẩn mức độ 1; tuy nhiên, một số khu vực sân trường và công trình phụ chưa được cải tạo đồng bộ [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

c) Diện tích giao thông nội bộ: không dưới 25 %. Hệ thống giao thông nội

bộ được bố trí tương đối hợp lý, có lối đi chung thông thoáng, đảm bảo cho việc đi lại và tổ chức các hoạt động trong trường; cơ bản đáp ứng yêu cầu về diện tích giao thông nội bộ theo tiêu chuẩn mức độ 1 [H3-3.1-04].

Mức 3

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố của nhà trường chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Một số hạng mục công trình và hệ thống kỹ thuật như hệ thống điện dự phòng, hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động, nhà vệ sinh học sinh và một số khu vực sân trường chưa được đầu tư đồng bộ, còn có dấu hiệu xuống cấp; do đó chưa đảm bảo yêu cầu nâng cao về mức độ kiên cố, hiện đại và bền vững theo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04]; [H3-3.3-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các phòng khối hành chính - quản trị với đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. Cơ sở vật chất được đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động dạy học và quản lý, gồm hệ thống cấp nước sạch, cấp điện, hạ tầng công nghệ thông tin và khu thu gom rác thải được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường. Các hạng mục công trình trong khuôn viên trường chủ yếu được xây dựng kiên cố, bố trí liền kề, có lối đi chung thông thoáng, thuận tiện cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục.

Thiết bị dạy học được trang bị đầy đủ theo danh mục tối thiểu; nhà trường thực hiện kiểm tra, sửa chữa, bổ sung thiết bị dạy học định kỳ, đáp ứng yêu cầu giảng dạy các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hệ thống giám sát an ninh được lắp đặt tại các khu vực hành lang, cầu thang góp phần đảm bảo an toàn trong quá trình học tập và sinh hoạt của học sinh.

3. Điểm yếu

Hệ thống mạng không dây đã được phủ sóng toàn trường, tuy nhiên tốc độ đường truyền chưa thật sự ổn định, ảnh hưởng nhất định đến việc khai thác các ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý.

Một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ như hệ thống điện dự phòng, hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động, nhà vệ sinh học sinh và một số khu vực nền sân trường chưa được đầu tư đồng bộ, có dấu hiệu xuống cấp, sụt lún, cần được cải tạo, nâng cấp để đảm bảo an toàn và đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2025 - 2026, hiệu trưởng chỉ đạo xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư, sửa chữa và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật của nhà trường; trong đó ưu tiên cải tạo hệ thống điện dự phòng, hệ thống phòng cháy chữa cháy, nhà vệ sinh học sinh và các khu vực sân trường xuống cấp nhằm đảm bảo an toàn, đồng bộ và bền vững.

Đồng thời, nhà trường tăng cường nâng cấp đường truyền Internet, cải thiện chất lượng hệ thống Wi-Fi, đảm bảo đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Điểm mạnh nổi bật

Công tác quản lý cơ sở vật chất của nhà trường thực hiện đúng quy định, đảm bảo sử dụng đúng mục đích. Nhà trường có khuôn viên độc lập, vị trí thuận lợi, cảnh quan xanh – sạch – đẹp, đảm bảo an toàn và mỹ quan. Các công trình được xây dựng kiên cố, bố trí hợp lý. Trang thiết bị dạy học được đầu tư, bảo trì thường xuyên; thư viện thông minh, hệ thống camera AI, LMS360 và mạng LAN nội bộ hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý, giảng dạy và học tập.

Mỗi năm, nhà trường đều có tổ chức kiểm kê tài sản. Các phòng học, phòng học bộ môn, phòng thực hành của nhà trường bố trí hợp lý, thoáng mát. Cơ sở vật chất và trang thiết bị nhà trường đã đáp ứng khá đầy đủ và tốt theo quy định.

Điểm yếu cơ bản

Một số hạng mục cơ sở vật chất còn hạn chế như diện tích sân chơi chưa đạt quy định 6 m²/học sinh, thiếu phòng bộ môn (Nghệ thuật, Công nghệ) và phòng họp chuyên môn, phòng thiết bị có diện tích nhỏ, chưa thuận tiện cho việc bảo quản, sử dụng. Một số khu vực phụ trợ như nền sân, khu vệ sinh học sinh có dấu hiệu xuống cấp; hệ thống điện dự phòng và phòng cháy chữa cháy tự động chưa đồng bộ. Hạ tầng mạng phủ sóng toàn trường nhưng tốc độ Wi-Fi chưa ổn định, cần được nâng cấp để đảm bảo hiệu quả chuyển đổi số.

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 03/03 (3.1, 3.2, 3.3)

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1: 00/03

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 00/02

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2: 02/02 (3.2, 3.3)

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 00/02

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3: 02/02 (3.2, 3.3)

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Mối quan hệ giữa ba môi trường: nhà trường, gia đình và xã hội đã được củng cố và tăng cường nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện. Ban đại diện Cha mẹ học sinh luôn gắn bó và hỗ trợ nhà trường có hiệu quả trong mọi hoạt động. Đảng ủy và chính quyền cùng các ban ngành đoàn thể luôn quan tâm sâu sát và tạo mọi điều kiện để nhà trường thực hiện nhiệm vụ giáo dục tại địa phương.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật,

chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Đầu năm học, nhà trường tổ chức Hội nghị cha mẹ học sinh tại các lớp để bầu ra Ban đại diện tham gia Hội nghị cha mẹ học sinh toàn trường [H4-4.1-01]. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4-4.1-02].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường phối hợp với hiệu trưởng đã đề ra phương hướng kế hoạch hoạt động, làm việc cụ thể và hằng năm được phổ biến rộng rãi đến cha mẹ học sinh toàn trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường trong việc quản lý, giáo dục học sinh và thực hiện những nhiệm vụ do Ban đại diện cha mẹ học sinh đề ra. Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm của lớp để chăm lo, quản lý, động viên học sinh tích cực tự giác học tập, rèn luyện đạo đức, tuân thủ nội quy của nhà trường. Kiến nghị với nhà trường tạo điều kiện cho con em mình học tập và rèn luyện [H4-4.1-03].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh thường xuyên hợp với cán bộ quản lý, giáo viên để thực hiện tốt các hoạt động đúng với tiến độ. Nhà trường tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động hiệu quả, đóng góp vào sự lớn mạnh của nhà trường [H4-4.1-03].

Mức 2

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, trường đã phối hợp với nhà trường góp phần huy động học sinh đến trường và phổ biến các hoạt động giáo dục của nhà trường,

chủ trương chính sách về giáo dục trong năm học đến cha mẹ học sinh. Từ đó, cha mẹ học sinh có biện pháp nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục con em [H4-4.1-03].

Mức 3

Ban Đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức hoạt động phong trào, hội thi (hội thi văn nghệ, hội Xuân, hội thi múa dân vũ...) [H4-4.1-04], khen thưởng cho học sinh có thành tích trong học tập và phong trào [H4-4.1-04], tư vấn cho nhà trường trong hoạt động giáo dục học sinh [H4-4.1-03]. Tuy nhiên, Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp hoạt động chưa đồng đều.

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường được tổ chức, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Có kế hoạch phối hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền đến các cha mẹ học sinh có trách nhiệm quản lý giáo dục đạo đức học sinh, khen thưởng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém. Tích cực phối hợp cùng giáo viên chủ nhiệm trong các hoạt động giáo dục và hoạt động phong trào của lớp.

3. Điểm yếu

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp hoạt động chưa đồng đều. Do điều kiện về công việc và thời gian, một số cha mẹ học sinh chưa tham gia đầy đủ các buổi họp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2025 - 2026, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến cha mẹ học sinh về quyền và nhiệm vụ của Ban đại diện cha mẹ học sinh theo đúng Điều lệ để hỗ trợ mọi hoạt động của lớp học tốt hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp

với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1

a) *Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

b) *Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

c) *Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2

a) *Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

b) *Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.*

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị đã tham mưu với Ủy ban nhân dân phường Bình Thạnh và phòng Văn hóa - Xã hội trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường [H4-4.2-01].

b) Nhà trường thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của Cha mẹ học sinh về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường thông qua các buổi họp cha mẹ học sinh toàn trường [H4-4.2-02].

c) Nhà trường thực hiện huy động các nguồn lực tự nguyện từ Hội cha mẹ học sinh [H4-4.2-03], mạnh thường quân [H4-4.2-04], để thực hiện khen thưởng học sinh đạt danh hiệu xuất sắc; thực hiện trao tặng học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H4-4.2-05].

Mức 2

a) Bí thư chi bộ và cấp ủy và Ban giám hiệu nhà trường thực hiện tham mưu Đảng ủy, Ủy ban nhân dân phường Bình Thạnh về việc sửa chữa, trang thiết bị dạy học hiện đại tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-01].

b) Thực hiện phối hợp đoàn phường Bình Thạnh, để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao [H4-4.2-06], tổ chức cho học sinh chăm sóc di tích lịch sử Đình Cầu Sơn [H4-4.2-07]; [H4-4.2-8], tham quan công trình văn hóa; thăm hỏi gia đình thương binh, liệt sĩ, chăm sóc gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương [H4-4.2-09].

Mức 3

Trường Trung học cơ sở Lê Văn Tám đã tuyên truyền, tổ chức cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên thực hiện tốt các tiêu chí thi đua trường học có đời sống văn hóa tốt. Tuy nhiên, nhà trường chưa kịp thời tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền, chưa phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H1-1.3-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của Cha mẹ học sinh về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa kịp thời tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền, chưa phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ, giáo viên, công nhân viên thực hiện tốt các tiêu chí thi đua trường học có đời sống văn hóa tốt.

Năm học 2025 - 2026 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và lộ trình để tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền, phối hợp có hiệu quả với các tổ chức cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường duy trì tốt mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội; Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng Điều lệ, có kế hoạch cụ thể và phối hợp hiệu quả trong quản lý, giáo dục, hỗ trợ học sinh. Chính quyền địa phương, các ban ngành, đoàn thể quan tâm, tạo điều kiện và phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác giáo dục, huy động học sinh đến trường, chăm lo học sinh có hoàn cảnh khó khăn và tổ chức các hoạt động truyền thống, văn hóa, thể thao.

Điểm yếu cơ bản

Hiệu quả hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh giữa các lớp chưa đồng đều do điều kiện thời gian và công việc của một số phụ huynh chưa thuận lợi. Công tác tham mưu và phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ở địa phương còn thiếu tính thường xuyên; nhà trường chưa thực sự trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 02/02 (4.1, 4.2)

Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 00/02

Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 00/02

Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 02/02 (4.1, 4.2)

Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 00/02

Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 02/02 (4.1, 4.2)

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu

Nhà trường tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá kiến thức học sinh được chú trọng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục của địa phương. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi là công tác mũi nhọn, phụ đạo học sinh yếu kém cũng được nhà trường quan tâm đúng mức. Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục sức khỏe giới tính ... được thường xuyên tổ chức, lồng ghép trong các chủ đề giáo dục ngoài giờ lên lớp, ngoại khóa. Qua đó, chất lượng giáo dục của nhà trường đã có sự chuyển biến về mọi mặt: tỷ lệ lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh đạt danh hiệu xuất sắc, giỏi hằng năm đều cao. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và đậu vào các trường trung học phổ thông công lập cao.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện kế hoạch giáo dục

Mức 1

a) *Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

b) *Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường đầy đủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh;*

c) *Tổ chức kiểm tra, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục của nhà trường theo khung kế hoạch thời gian năm học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

Mức 2

a) *Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

b) *Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Nhà trường thực hiện giảng dạy đúng, đủ các môn học theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT); thực hiện dạy học 2 buổi/ngày theo đúng văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục và Đào tạo. Căn cứ điều kiện thực tế, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục năm học, học kỳ, tháng và tuần phù hợp với đặc điểm của đơn vị [H1-1.4-03].

b) Nhà trường tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục đầy đủ; phân công giáo viên giảng dạy đúng chuyên môn, bố trí thời khóa biểu hợp lý. Các tổ/nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động và sinh hoạt định kỳ theo quy định, đảm bảo việc thực hiện kế hoạch giáo dục được triển khai thống nhất trong toàn trường [H1-1.6-15].

c) Nhà trường thực hiện kiểm tra, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục theo từng học kỳ và năm học; các nội dung điều chỉnh được ghi nhận trong sinh hoạt tổ chuyên môn, báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết năm học [H1-1.3-04].

Mức 2

a) Nhà trường thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục và lựa chọn, bổ sung nội dung, thời lượng, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh, như: chương trình Tiếng Anh tích hợp (Đề án 5695), học Tiếng Anh với giáo viên nước ngoài, Giáo dục kỹ năng sống, Tin học quốc tế, từ năm học 2025 - 2026, nhà trường triển khai thêm chương trình iSMART và giáo dục STEM [H5-5.1-01].

Giáo viên tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, sử dụng giáo án điện tử, email, zalo, facebook và hệ thống học tập trực tuyến LMS360

nhằm hướng dẫn học sinh tự học, trao đổi, nộp bài và thực hiện nhiệm vụ học tập; tổ chức hoạt động nhóm, dự án, trải nghiệm thông qua các chuyên đề bộ môn, hội thi tên lửa nước, xe thể năng, robotacon, khéo tay kỹ thuật...góp phần tạo hứng thú học tập và phát triển năng lực học sinh [H5-5.1-02].

b) Hằng năm, nhà trường tuyển chọn và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu tham gia các kỳ thi học sinh giỏi, hội thi cấp quận và cấp thành phố; đồng thời rà soát, phát hiện học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để xây dựng kế hoạch phụ đạo phù hợp, kịp thời. Qua đó, chất lượng học tập của học sinh từng bước được nâng cao, số lượng học sinh giỏi cấp quận và cấp thành phố duy trì ở mức cao [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04]; [H5-5.1-05].

Năm học	Kết quả đạt giải các môn học (cấp quận, cấp thành phố, cấp quốc gia)
2020 - 2021	Cấp quận: 167 học sinh đạt giải. Cấp thành phố: 46 học sinh đạt giải. Cấp quốc gia: 05 học sinh đạt giải.
2021 - 2022	Cấp quận: 148 học sinh đạt giải. Cấp thành phố: 45 học sinh đạt giải. Cấp quốc gia: 01 học sinh đạt giải.
2022 - 2023	Cấp quận: 128 học sinh đạt giải. Cấp thành phố: 36 học sinh đạt giải.
2023 – 2024	Cấp quận: 159 học sinh đạt giải. Cấp thành phố: 52 học sinh đạt giải.
2024 - 2025	Cấp quận: 146 học sinh đạt giải. Cấp thành phố: 48 học sinh đạt giải.

Mức 3

Hằng năm, nhà trường thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của việc triển khai kế hoạch giáo dục thông qua sinh hoạt tổ chuyên môn, họp hội đồng sư phạm, kiểm tra nội bộ, sơ kết học kỳ và tổng kết năm học; trên cơ sở đó điều chỉnh, bổ sung các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học của

giáo viên và kết quả học tập của học sinh. Việc kiểm tra thực hiện kế hoạch giảng dạy được tổ chức định kỳ 02 lần/tháng tại các tổ chuyên môn.

Tuy nhiên, qua quá trình rà soát, nhà trường nhận thấy ở một số bộ môn việc đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá chưa thật sự đồng đều, còn thiên về kiểm tra lý thuyết, cần tiếp tục được điều chỉnh theo định hướng phát triển năng lực học sinh [H1-1.4-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đúng quy định, có điều chỉnh linh hoạt theo thực tế; giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, dự án học tập. Hằng năm, nhà trường có số lượng học sinh giỏi đạt giải cấp quận và cấp thành phố tương đối cao, góp phần khẳng định hiệu quả của việc thực hiện kế hoạch giáo dục.

3. Điểm yếu

Một số bộ môn chưa đa dạng hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh còn thiên về việc hỏi lý thuyết ít chú trọng đánh giá năng lực thực hành.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025 – 2026, hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chuyên môn tập trung lãnh đạo các tổ thực hiện đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học tích cực, đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào các bài giảng cụ thể từng học kỳ từ năm học 2025 - 2026.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) *Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;*

c) *Hàng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.*

Mức 2

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Đầu năm học các giáo viên chủ nhiệm rà soát, phân loại học sinh chưa đạt và tập trung phối hợp với gia đình học sinh để giúp đỡ các em trong học tập. Nhà trường có kế hoạch hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn kinh tế, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, tạo điều kiện cho học sinh yên tâm học tập [H5-5.2-01]; đồng thời nhà trường cũng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi nhằm phát hiện và phát huy năng lực cá nhân [H5-5.2-02].

b) Cán bộ quản lý chỉ đạo tổ nhóm chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Tạo điều kiện hỗ trợ cho học sinh vượt khó vươn lên trong học tập bằng việc xét miễn giảm học phí, xét cấp học bổng, tăng cường bồi dưỡng, phụ đạo tùy vào năng lực thực tế của học sinh, tạo không gian phát triển năng khiếu của học sinh trong buổi sinh hoạt câu lạc bộ Tiếng Anh, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật), TDTT...[H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03].

Nhà trường tổ chức bồi dưỡng cho các em học sinh giỏi các môn thi cấp phường, cấp thành phố. Ngoài ra, hằng năm học sinh năng khiếu của trường tham gia Giải thể dục thể thao học sinh cấp trường, cấp thành phố, các hoạt động văn hóa, văn nghệ do phường và thành phố tổ chức [H5-5.2-04]; [H5-5.1-05].

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện theo tháng, theo học kỳ. Trong cuộc họp tổ chuyên môn, họp hội đồng sư phạm giữa và cuối học kỳ đều có nội dung trao đổi, rút kinh nghiệm, đề ra giải pháp để thực hiện có hiệu quả hơn công tác giáo dục của nhà trường [H1-1.4-03].

Mức 2

Đa số học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh năng khiếu và học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường. Sau mỗi học kỳ và cuối năm học, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh; từ đó điều chỉnh biện pháp hỗ trợ, bồi dưỡng phù hợp.

Nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn và học sinh gặp khó khăn trong học tập có tiến bộ rõ rệt, một số học sinh đạt danh hiệu học sinh xuất sắc, học sinh giỏi và được nhận học bổng, phần thưởng của nhà trường [H1-1.6-01]. Tuy nhiên, trường có 01 học sinh khuyết tật chưa thể tham gia tốt các hoạt động chung của nhà trường.

Mức 3

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận. Học sinh trong đội tuyển, câu lạc bộ đã tích cực tham gia thi đấu và giành được nhiều huy chương cấp quận, cấp thành phố, nổi bật là các môn bơi, điền kinh, bóng rổ, cầu lông,...[H1-1.5-01].

Kết quả

Năm học	Kết quả đạt giải TDTT, Nghệ thuật (cấp quận, cấp thành phố; cấp quốc gia)
2020 - 2021	Cấp quận: 120 học sinh đạt giải.

2021 - 2022	Cấp quận: 195 học sinh đạt giải Cấp thành phố: 15 học sinh đạt giải
2022 - 2023	Cấp quận: 133 học sinh đạt giải. Cấp thành phố: 32 học sinh đạt giải.
2023 – 2024	Cấp quận: 158 học sinh đạt giải. Cấp thành phố: 29 học sinh đạt giải.
2024 - 2025	Cấp quận: 139 học sinh đạt giải. Cấp thành phố: 30 học sinh đạt giải.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt việc tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu.

Học sinh có năng khiếu của nhà trường đã đạt giải cao cấp quận, thành phố.

3. Điểm yếu

Nhà trường có học sinh khuyết tật chưa thể tham gia tốt các hoạt động chung của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2025 – 2026 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động giáo dục; tăng cường công tác đánh giá, rút kinh nghiệm trong dạy học; chú trọng các biện pháp hỗ trợ học sinh chưa đạt, học sinh gặp khó khăn trong việc tiếp cận kiến thức và bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Giáo viên chủ nhiệm phối hợp chặt chẽ với giáo viên bộ môn và cha mẹ học sinh nhằm giúp học sinh cải thiện kết quả học tập và phát triển năng lực cá nhân.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh theo đúng quy định, bảo đảm yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2006 và Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trong giai đoạn chuyển tiếp. Nội dung giáo dục địa phương được thực hiện bằng nhiều hình thức thông qua chương trình giảng dạy các bộ môn Lịch sử và Địa lí, Ngữ văn, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và qua tham quan học tập ngoại khóa tìm hiểu di tích lịch sử, văn hóa tại địa phương [H5-5.3-01]; giáo viên các bộ môn chủ động sưu tầm tư liệu và tổ chức, hướng dẫn các hoạt động tìm hiểu về địa phương theo chương trình của bộ môn như: tổ chức cho học sinh tham quan Nhà Truyền thống phường Bình Thạnh [H4-4.2-08], đền Hai Bà Trưng [H5-5.3-02], lăng Tả quân Lê Văn Duyệt [H4-4.2-07]. Qua đó học sinh hiểu biết thêm về lịch sử, văn hóa địa phương, đồng thời khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống yêu nước. Tuy nhiên, việc triển khai nội dung giáo dục địa phương tuy được thực hiện theo quy định, song phạm vi tích hợp liên môn hiện còn tập trung chủ yếu ở các môn khoa học xã hội và nghệ thuật.

Thực hiện nghiêm túc việc tổ chức kiểm tra thường xuyên và định kỳ các Nội dung giáo dục địa phương. Hằng năm, vào cuối học kỳ, các tổ chuyên môn tiến hành rà soát, đánh giá kết quả thực hiện; việc cập nhật tài liệu và điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương được thực hiện chủ yếu theo định kỳ [H5-5.3-03].

Nhà trường tổ chức triển khai và thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định, bảo đảm yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2006 và Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Nội dung giáo dục được xây dựng phù hợp với mục tiêu môn học, gắn lý luận với thực tiễn và được tích hợp thông qua các môn học theo từng chương trình; trong đó, đối với Chương trình 2006 là các môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Âm nhạc, Mỹ thuật; đối với Chương trình 2018 là các môn Ngữ văn, Lịch sử và Địa lí, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) [H5-5.3-01].

Đồng thời, nhà trường tổ chức và thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông 2006 và các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo yêu cầu của Chương trình giáo dục

phổ thông 2018, với các chủ đề như “Uống nước nhớ nguồn”, “Mừng Đảng, mừng xuân”, “Tiến bước lên Đoàn” [H5-5.3-04]; tổ chức cho học sinh tham quan, trải nghiệm thực tế tại các di tích lịch sử như: Di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác xã Cần Giờ, Ngã ba Giồng xã Hóc Môn [H5-5.3-05]. Tuy nhiên, tư liệu về giáo dục địa phương của nhà trường chưa phong phú; giáo viên phụ trách Nội dung giáo dục địa phương đều do phân công kiêm nhiệm.

2. Điểm mạnh

Trường đã thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định. Tổ chức các hoạt động học tập, tham quan, chăm sóc di tích lịch sử.

3. Điểm yếu

Tư liệu giáo dục địa phương của nhà trường chưa phong phú; giáo viên phụ trách nội dung giáo dục địa phương đều do phân công kiêm nhiệm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025 – 2026 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo cập nhật và bổ sung nguồn tư liệu về giáo dục địa phương phù hợp với tình hình mới; đồng thời, tăng cường tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả về thực hiện Nội dung giáo dục địa phương phù hợp nhiệm vụ, mục tiêu giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị; triển khai các hình thức đa dạng, phù hợp với lứa tuổi học sinh như: tham quan, học tập ngoại khóa tại làng nghề, nhà máy, xí nghiệp, nông trại; tổ chức cho học sinh lớp 9 giao lưu, tư vấn tuyển sinh với các trường trung cấp, cao đẳng nghề.

Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch tổ chức các tiết học theo định hướng STEM, dạy học dự án; đối với môn Hoạt động trải nghiệm trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nhà trường bố trí thời khóa biểu hợp lý, đảm bảo đầy đủ số tiết theo quy định. Thông qua các hoạt động này, học sinh từng bước hình thành nhận thức về nghề nghiệp, phát triển kỹ năng thực tiễn và định hướng lựa chọn học tập phù hợp sau tốt nghiệp trung học cơ sở [H5-5.4-01], [H5-5.4-02].

Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức có phân công cụ thể giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, giáo viên kiêm Tổng phụ trách Đội, Đoàn Thanh niên và nhân viên tham gia, bảo đảm an toàn và hiệu quả cho học sinh [H1-1.8-03].

b) Căn cứ kế hoạch trải nghiệm hằng năm, nhà trường phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động như: tham quan di tích lịch sử Chiến khu Rừng Sác xã Cần Giò; thực hiện chuyên đề “Em làm nông dân”; hoạt động đo đạc thực tế trong môn Toán; trải nghiệm môn Khoa học tự nhiên tại khu du lịch Happy Farm và Tropical Garden xã Bình Chánh được lồng ghép trong các bộ môn như: định hướng nghề nghiệp trong Công nghệ, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, môn Lịch sử và Địa lí, môn Giáo dục công dân,...phối hợp tổ chức cùng các ban ngành đoàn thể các buổi tư vấn hướng nghiệp, tuyển sinh với các trường trung cấp, cao đẳng nghề trên địa bàn thành phố [H1-1.8-03]; [H5-5.4-02].

Sau mỗi hoạt động, các tổ chuyên môn thực hiện báo cáo, nhận xét và rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, việc đánh giá hiệu quả hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở một số nội dung còn chung chung, chưa phân tích sâu những hạn chế cụ thể để điều chỉnh, cải tiến; lực lượng phụ trách do giáo viên kiêm nhiệm chưa có sự thống nhất chung nên hiệu quả chưa như mong muốn [H1-1.8-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm cho học sinh, phối hợp với các trường trung cấp nghề, cao đẳng nghề phân luồng sau tốt nghiệp trung học cơ sở cho học sinh lớp 9.

3. Điểm yếu

Việc đánh giá hiệu quả hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở một số nội dung còn chung chung, chưa phân tích sâu những hạn chế cụ thể để điều chỉnh, cải tiến; lực lượng phụ trách do giáo viên kiêm nhiệm chưa có sự thống nhất chung nên hiệu quả chưa như mong muốn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2025 – 2026 và những năm tiếp theo, sau mỗi đợt hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn đánh giá cụ thể hiệu quả từng nội dung hoạt động, chỉ rõ những hạn chế và nguyên nhân; trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch tổ chức theo hướng sát với nhu cầu, năng lực và định hướng nghề nghiệp của học sinh, góp phần nâng cao tính thiết thực của hoạt động.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 2

a) *Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;*

b) *Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.*

Mức 3

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 2

a) Nhà trường quan tâm thực hiện công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua việc xây dựng kế hoạch và lồng ghép nội dung trong các tiết sinh hoạt chủ nhiệm, sinh hoạt dưới cờ và các môn học chính khóa. Thông qua hoạt động dạy học trên lớp, giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm, thuyết trình, trò chơi học tập..., qua đó giúp học sinh từng bước biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân [H1-1.5-02]; [H1-1.8-01]; [H3-3.1-05]; [H3-3.1-06].

Kết quả rèn luyện và hành vi ứng xử của học sinh được thể hiện qua đánh giá, xếp loại hạnh kiểm hằng năm [H2-2.4-02]; việc chấp hành nội quy, lễ phép với thầy cô được ghi nhận qua tổng kết thi đua hàng tuần [H2-2.4-03].

Hành vi ứng xử giữa học sinh được cải thiện theo hướng văn minh, phù hợp giá trị văn hóa truyền thống của nhà trường và dân tộc.

b) Nhà trường tổ chức nhiều chuyên đề giáo dục kỹ năng sống phù hợp với tâm lý lứa tuổi học sinh như: giáo dục pháp luật [H5-5.5-01], giáo dục an toàn giao thông [H5-5.5-02], giáo dục phòng, chống dịch bệnh [H5-5.5-03], giáo dục giới tính [H5-5.5-04], giáo dục phòng, chống HIV/AIDS [H5-5.5-05], giáo dục phòng ngừa tác hại nghiện game và mạng xã hội [H5-5.5-06]. Từ năm học 2017–2018 đến nay, nhà trường hợp đồng với Công ty Giáo dục kỹ năng sống GAIA giảng dạy kỹ năng sống cho học sinh [H5-5.1-10].

Qua các chuyên đề và hoạt động rèn luyện, kỹ năng sống của học sinh từng bước được hình thành và phát triển: ý thức phòng chống dịch bệnh được nâng cao giúp nhà trường không xảy ra bùng phát dịch bệnh trong mùa cao điểm [H5-5.5-07]; ý thức chấp hành luật giao thông ngày càng tốt hơn [H5-5.5-02]; học sinh biết tự chăm sóc và bảo vệ bản thân tốt hơn [H5-5.5-04].

Mức 3

Trong quá trình giảng dạy, giáo viên gợi mở cho học sinh thực hiện các nhiệm vụ mang tính nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn như chế tạo mô hình cánh tay thủy lực, tên lửa nước khi học bài áp suất chất lỏng. Các hoạt động này giúp học sinh bước đầu làm quen với việc nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của giáo viên hoặc chuyên gia [H5-5.1-04]; [H5-5.1-04]. Tuy nhiên, số lượng học sinh tham gia nghiên cứu khoa học còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện kế hoạch định hướng phát triển kỹ năng sống cho học sinh. Hành vi ứng xử của học sinh có chuyên biến tích cực phù hợp truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh tham gia nghiên cứu khoa học còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, hiệu trưởng triển khai các văn bản về hội thi nghiên cứu khoa học của Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có liên quan, thực hiện xây dựng kế hoạch và nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động để đẩy mạnh việc tham gia Hội thi nghiên cứu khoa học cho học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1

a) *Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

c) *Công tác định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2

a) *Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*

- *Kết quả học tập theo mức Tốt: tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Tốt của trường thuộc vùng khó khăn đạt từ 5 % trở lên đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và từ 20 % trở lên đối với trường chuyên; tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Tốt của trường thuộc các vùng còn lại đạt từ 10 % trở lên đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và từ 25 % trở lên đối với trường chuyên;*

- *Kết quả học tập theo mức Khá: tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Khá của trường thuộc vùng khó khăn đạt từ 30 % trở lên đối với trường trung học cơ sở, từ 20 % trở lên đối với trường trung học phổ thông và từ 55 % trở lên đối với*

trường chuyên; tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Khá của trường thuộc các vùng còn lại đạt từ 35 % trở lên đối với trường trung học cơ sở, từ 25 % trở lên đối với trường trung học phổ thông và từ 60 % trở lên đối với trường chuyên;

- Kết quả học tập theo mức Chưa đạt: tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Chưa đạt của trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông thuộc vùng khó khăn không quá 10 %; tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Chưa đạt của trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông thuộc các vùng còn lại không quá 5 %; trường chuyên không có học sinh xếp loại Chưa đạt;

- Kết quả rèn luyện: tỷ lệ học sinh trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông được đánh giá ở mức Khá, Tốt từ 90 % trở lên và từ 98 % trở lên đối với trường chuyên;

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và không được lên lớp:

- Vùng khó khăn: không quá 3 % học sinh bỏ học, không quá 5 % học sinh không được lên lớp; trường chuyên không có học sinh không được lên lớp và không có học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: không quá 1 % học sinh bỏ học, không quá 2 % học sinh không được lên lớp; trường chuyên không có học sinh không được lên lớp và không có học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường thực hiện đánh giá, xếp loại kết quả học tập và rèn luyện học sinh theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT; Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT theo từng giai đoạn áp dụng chương trình giáo dục. Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh hằng năm đáp ứng yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Tỷ lệ học sinh được đánh giá rèn luyện mức Tốt, Khá từ 99,13 % đến 99,84 %, và tỷ lệ học sinh được đánh giá kết quả học tập mức Tốt, Khá từ 82,52 % đến 85,41 % [H5-5.6-01]; [H1-1.8-01]; [H2-2.4-02].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp trung học cơ sở hằng năm ổn định, đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Trong 05 năm, tỷ lệ lên lớp dao động từ 99,68 % đến 100 % và tỷ lệ tốt nghiệp THCS đạt 100 % [H5-5.6-01]; [H1-1.2-05].

c) Hằng năm, nhà trường tổ chức định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch; thực hiện công tác tư vấn chọn nguyện vọng tuyển sinh lớp 10, tư vấn hướng nghiệp cho học sinh và cha mẹ học sinh lớp 9. Nhà trường đã thực hiện đạt yêu cầu về định hướng phân luồng cho học sinh lớp 9 vào lớp 10 trung học phổ thông trên 90 %, số lượng học sinh còn lại phân luồng vào lớp 10 ngoài công lập và các trường Trung cấp nghề [H2-2.4-02]; [H1-1.2-05].

Mức 2

a) Từ năm học 2020 - 2021 đến 2024 - 2025, kết quả học tập và rèn luyện của học sinh có sự chuyển biến tích cực và duy trì ổn định. Cụ thể: tỷ lệ học sinh được đánh giá rèn luyện mức khá, tốt duy trì từ 99,13 % đến 99,84 %; tỷ lệ học sinh được đánh giá kết quả học tập mức khá, tốt từ 82,52 % đến 85,41 %.

Điều này cho thấy chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường được củng cố qua các năm [H1-1.3-04]; [H5-5.6-01]. Kết quả rèn luyện của học sinh qua 05 năm học:

NĂM HỌC	TỔNG SỐ HỌC SINH/H/NỮ	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN											
		TỐT		KHÁ		T.BÌNH/ĐẠT		YẾU/CHƯA ĐẠT		TRÊN TRUNG BÌNH		KHÔNG XẾP LOẠI	
		SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)
2020 - 2021	1.885 /996	1.857	98,51	27	1,43	01	0,05	00	00	1.885	100	00	00

2021 - 2022	1.829 /964	1.81 3	99,13	12	0,66	04	0,22	00	00	1.829	100	00	00
2022 - 2023	1.889 /999	1.88 6	99,84	02	0,11	01	0,05	00	00	1.889	100	00	00
2023 - 2024	2.098 / 1.126	2.08 6	99,43	10	0,48	02	0,10	00	00	2.098	100	00	00
2024 - 2025	2.237 / 1192	2.22 7	99,55	10	0,45	00	00	00	00	2.237	100	00	00

Kết quả học tập của học sinh qua 5 năm học:

NĂM HỌC	TỔNG SỐ HỌC SINH/ NỮ	KẾT QUẢ HỌC TẬP						
		GIỎI/ TỐT		KHÁ		T.BÌNH/ ĐẠT		YẾU/ C.ĐẠT
		SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG
2020 - 2021	1.885/ 996	1.579	83,77	252	13,37	53	2,81	01

2021 - 2022	1.829/ 964	1.524	83,32	260	14,22	45	2,41	00
2022 - 2023	1.889/ 999	1.586	83,96	278	14,72	25	1,32	00
2023 - 2024	2.098/ 1.126	1.792	85,41	276	13,16	30	1,43	00
2024 - 2025	2.237/ 1.192	1.846	82,52	351	15,69	40	1,79	00

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp hằng năm

Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng trong 05 năm gần đây dao động từ 99,68 % đến 100 %. Tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 100 % trong cả 05 năm, thể hiện sự ổn định của kết quả giáo dục [H1-1.2-05].

Năm học	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025
Tỷ lệ lên lớp	99,68 %	100 %	100 %	100 %	100 %
Tỷ lệ tốt nghiệp	100 %	100 %	100 %	100 %	100 %

Mức 3

a) Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh 5 năm được duy trì trong nhiều năm học, cụ thể:

Tỷ lệ học sinh mức Tốt (Giỏi/Tốt) đạt từ 82,52 % đến 85,41 %, cao hơn yêu cầu tối thiểu 10 % của chỉ báo.

Tỷ lệ học sinh mức Khá đạt từ 13,16 % đến 15,69 %, chưa đạt ngưỡng 35 % theo yêu cầu của chỉ báo.

Tỷ lệ học sinh mức Chưa đạt (Yêu/Chưa đạt) luôn từ 0 % đến 0,05 %, thấp hơn nhiều so với yêu cầu ≤ 5 % của chỉ báo.

Kết quả rèn luyện: tỷ lệ học sinh đạt Khá, Tốt từ 99,43 % đến 99,84 %, cao hơn yêu cầu 90 % của chỉ báo.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban 5 năm:

Năm học	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025
Tỷ lệ bỏ học	00 %	00 %	00 %	00 %	00 %
Tỷ lệ lưu ban	0,05 %	00 %	00 %	00 %	00 %

Trong 05 năm, tỷ lệ học sinh bỏ học, tỷ lệ học sinh lưu ban được đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên, năm học 2020 - 2021, trường có 01 học sinh lưu ban do ảnh hưởng của xã hội (dịch Covid-19).

2. Điểm mạnh

Kết quả giáo dục của nhà trường đạt chất lượng cao; hiệu quả giáo dục của nhà trường được duy trì trong nhiều năm học.

Nhà trường đã phối hợp thực hiện hiệu quả với các đơn vị đảm bảo công tác tư vấn, phân luồng cho học sinh lớp 9 sau tốt nghiệp bậc trung học cơ sở.

3. Điểm yếu

Trong năm học 2020 – 2021, trường có 01 học sinh lưu ban do ảnh hưởng của xã hội (dịch Covid-19).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ quản lý và giáo viên chủ nhiệm tăng cường công tác phối hợp với cha mẹ học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, tìm hiểu hoàn cảnh để động viên giúp đỡ học sinh. Giáo viên chủ nhiệm, tăng cường phối hợp cùng giáo viên bộ môn nắm bắt tình hình học tập của từng học sinh từ đó có biện pháp phụ đạo học sinh yếu kém, chưa đạt.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Điểm mạnh nổi bật

Hoạt động dạy và học của nhà trường được thực hiện có nền nếp, đảm bảo nội dung chương trình và kế hoạch thời gian năm học theo quy định. Việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá được thực hiện nghiêm túc theo chỉ đạo của ngành. Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và ý thức vệ sinh môi trường được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả. Kết quả học tập, rèn luyện hằng năm của học sinh đáp ứng mục tiêu giáo dục.

Điểm yếu cơ bản

Kế hoạch bài dạy của giáo viên về giáo dục địa phương chưa phong phú. Các hoạt động trải nghiệm của nhà trường chưa phong phú.

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 03/03 (5.1, 5.2, 5.6)

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1: 00/03

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 06/06 (5.1, 5.2, 5.3, 5.4, 5.5, 5.6)

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2: 00/06

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 03/04 (5.1, 5.2, 5.6)

Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3: 01/04 (5.5)

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Báo cáo tự đánh giá của Trường Trung học cơ sở Lê Văn Tám được hoàn thành phản ánh kết quả toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường, giúp nhà trường đề ra chiến lược phát triển, xác định tầm nhìn, đánh giá công tác quản lý và tổ chức hoạt động của nhà trường. Quá trình tiến hành việc tự đánh giá, giúp cho việc xây dựng khối đoàn kết nội bộ trong tập thể sư phạm được thuận lợi hơn. Trong việc kiểm định từng tiêu chuẩn, xác minh từng tiêu chí, thống kê các chỉ số, đã giúp cho các bộ phận, các thành viên trong nhà trường tạo ra sự liên thông gắn bó và thông tin hai chiều cho nhau trở nên chặt chẽ hơn. Qua đó đánh giá chất lượng đội ngũ giáo viên, thực hiện các chương trình hoạt động giáo dục và công tác quản lý tài chính, cơ sở vật chất, sự phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh. Kết quả giáo dục học sinh là tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan nhất

về chất lượng hai mặt giáo dục của nhà trường. Trong những năm qua, tỷ lệ học sinh đạt danh hiệu Xuất sắc của trường tăng đều, tỉ lệ học sinh yếu kém, chưa đạt giảm, đặc biệt là số lượng học sinh giỏi cấp quận, cấp thành phố luôn duy trì ở mức ổn định và phát triển.

Đối chiếu với 05 tiêu chuẩn, 22 tiêu chí theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; và Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 22/22	Tỷ lệ: 100,0 %
Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1: 00/22	Tỷ lệ: 00 %
Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 19/23	Tỷ lệ: 82,6 %
Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2: 04/23	Tỷ lệ: 17,4 %
Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 04/16	Tỷ lệ: 25,0 %
Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3: 12/16	Tỷ lệ: 75,0 %

Căn cứ vào số lượng tiêu chí mà nhà trường đã đạt được ở các Mức 1, Mức 2 và Mức 3, Trường Trung học cơ sở Lê Văn Tám đề nghị được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Trên cơ sở báo cáo tự đánh giá này, Trường Trung học cơ sở Lê Văn Tám sẽ phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu; tiếp tục tăng cường công tác quản lý, đổi mới hoạt động dạy học, thực hiện có hiệu quả các hoạt động giáo dục, hướng đến mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường./.

Bình Thạnh, ngày 12 tháng 01 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thủy

PHẦN IV
PHỤ LỤC
DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
TIÊU CHUẨN 1			TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG			
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025	2020	Trường Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Sở họp nghị quyết của Hội đồng trường	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trường Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.1-03]	Website trường https://thcslevantam.hcm.edu.vn	2018	Trường Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.1-04]	Biên bản họp phân công giám sát thực hiện chiến lược hằng năm	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trường Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.1-05]	Biên bản họp rà soát, đánh giá bổ sung chiến lược hằng năm	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trường Lê Văn Tám	Hiệu trưởng

Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường;	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng;	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trường Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ Hội đồng Tuyển sinh	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trường Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập Hội đồng khoa học và hồ sơ Hội đồng khoa học	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trường Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.2-05]	Quyết định thành lập Hội đồng Xét tốt nghiệp và hồ sơ Xét tốt nghiệp trung học cơ sở	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trường Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.2-06]	Quyết định công nhận Tập thể Lao động xuất sắc và Cờ thi đua thành phố	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024	Trường Lê Văn Tám	Hiệu trưởng

				2024-2025		
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Công đoàn	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Công đoàn
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Chi đoàn, Liên đội	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Chi đoàn, Liên đội
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ Khuyến học	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Khuyến học
	4	[H1-1.3-04]	Báo cáo Sơ kết, Tổng kết năm học	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Văn phòng
	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ khen thưởng	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Văn phòng
	6	[H1-1.3-06]	Hồ sơ Chi bộ	2020-2021 2021-2022	Trưởng Lê Văn Tám	Bí thư Chi bộ

				2022-2023 2023-2024 2024-2025		
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	2020-2025	Ủy ban Nhân dân Phường Bình Thạnh	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định thành lập các tổ Chuyên môn, tổ Văn phòng.	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.4-03]	Hồ sơ tổ, nhóm chuyên môn	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	4	[H1-1.4-04]	Sổ họp tổ văn phòng	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	5	[H1-1.4-05]	Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên; Bảng tổng hợp kết quả đánh giá VC và NLĐ	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.4-06]	Hồ sơ thực hiện các chuyên đề	2020-2021 2021-2022 2022-2023	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng

				2023-2024 2024-2025		
	7	[H1-1.4-07]	Biên bản kiểm tra và rà soát các hoạt động của tổ văn phòng	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.5 Lớp học	1	[H1-1.5-01]	Sổ theo dõi và đánh giá học sinh; Sổ gọi tên ghi điểm.	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó hiệu trưởng
	2	[H1-1.5-02]	Hồ sơ chủ nhiệm	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ khen thưởng học sinh	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Văn phòng
	2	[H1-1.6-02]	Sổ đăng bộ	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Nhân viên Học vụ

	3	[H1-1.6-03]	Sổ quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Nhân viên Học vụ
	4	[H1-1.6-04]	Sổ theo dõi học sinh chuyển đi chuyển đến	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Nhân viên Học vụ
	5	[H1-1.6-05]	Học bạ	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	
	6	[H1-1.6-06]	Sổ ghi đầu bài	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	
	7	[H1-1.6-07]	Sổ quản lý và sử dụng tài sản	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Kế toán
	8	[H1-1.6-08]	Hồ sơ tài chính	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024	Trưởng Lê Văn Tám	Kế toán

				2024-2025		
9	[H1-1.6-09]	Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ văn bản đi đến		2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Văn phòng
10	[H1-1.6-10]	Hồ sơ quản lý phòng Thư viện/Thư viện thông minh		2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Văn phòng
11	[H1-1.6-11]	Sổ theo dõi sức khỏe học sinh		2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Y tế
12	[H1-1.6-12]	Hồ sơ kiểm tra đánh giá cán bộ giáo viên nhân viên (Hồ sơ kiểm tra nội bộ)		2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	
13	[H1-1.6-13]	Hồ sơ giáo dục đối với học sinh hòa nhập		2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Văn phòng

	14	[H1-1.6-14]	Hồ sơ phổ cập giáo dục.	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trường Lê Văn Tám	Văn phòng
	15	[H1-1.6-15]	Kế hoạch bài dạy của giáo viên	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trường Lê Văn Tám	GV
	16	[H1-1.6-16]	Quy chế chi tiêu nội bộ	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Văn phòng	Kế toán
	17	[H1-1.6-17]	Hồ sơ ban thanh tra nhân dân	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trường Lê Văn Tám	Ban thanh tra nhân dân
	18	[H1-1.6-18]	Hồ sơ Hội nghị Viên chức và Người lao động	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trường Lê Văn Tám	Công đoàn
	19	[H1-1.6-19]	Các biên bản kết luận thông báo liên quan của các cấp về quản lý tài chính, csvc, tài sản... của nhà trường	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024	Trường Lê Văn Tám	Kế toán; Văn phòng

				2024-2025		
	20	[H1-1.6-20]	Hợp đồng Bách Khoa (LMS360) và Vietschool	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Kế toán
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng và phát triển đội ngũ	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.7-02]	Bảng phân công nhiệm vụ hằng năm	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.7-03]	Đề án vị trí việc làm	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.7-04]	Sổ họp Hội đồng sư phạm	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.7-05]	Danh sách giáo viên được cử đi học nâng cao trình độ	2021-2022 2022-2023 2023-2024	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng

				2024-2025		
6	[H1-1.7-06]	Biên bản họp xét duyệt học kỳ, cả năm		2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
7	[H1-1.7-07]	Hồ sơ Hội đồng kỷ luật học sinh		2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Văn phòng
8	[H1-1.7-08]	Hồ sơ cán bộ giáo viên, công nhân viên khám sức khỏe		2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Y tế
9	[H1-1.7-09]	Báo cáo hoạt động của Ban nữ công		2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Công đoàn
10	[H1-1.7-10]	Danh sách giáo viên được hỗ trợ kinh phí học tập nâng cao trình độ		2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Kế toán
11	[H1-1.7-11]	Danh sách khen thưởng tự học, tự rèn của cán bộ- giáo viên- công nhân viên		2020-2021 2021-2022 2022-2023	Trưởng Lê Văn Tám	Kế toán

				2023-2024 2024-2025		
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục nhà trường	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.8-02]	Bảng phân công chuyên môn; Thời khóa biểu	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	3	[H1-1.8-03]	Hồ sơ ngoại khóa	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	4	[H1-1.8-04]	Hồ sơ quản lý dạy thêm học thêm theo Thông tư số 29/TT-BGDĐT	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Văn thư
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Hồ sơ công khai theo thông tư 09 và thông tư 36	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Kế toán
	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ tiếp công dân	2020-2021 2021-2022	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng

				2022-2023 2023-2024 2024-2025		
	3	[H1-1.9-03]	Hồ sơ thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Công đoàn
	4	[H1-1.9-04]	Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Hồ sơ, giấy khen công tác đảm bảo An ninh trật tự	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Hiệu trưởng	Nhân viên Y tế
	2	[H1-1.10-02]	Hồ sơ, giấy khen công tác đảm bảo An toàn trường học	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Hiệu trưởng	Nhân viên Y tế
	3	[H1-1.10-03]	Hồ sơ công tác tuyên truyền y tế học đường	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Hiệu trưởng	Nhân viên Y tế

	4	[H1-1.10-04]	Hồ sơ công tác bán trú; căn tin	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Hiệu trưởng	Nhân viên Y tế Nhân viên Kế toán
	5	[H1-1.10-05]	Hồ sơ Y tế trường học; Biên bản kiểm tra Y tế của Phòng Giáo dục và Đào tạo	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Hiệu trưởng	Nhân viên Y tế
	6	[H1-1.10-06]	Hồ sơ công tác phòng cháy, chữa cháy	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
TIÊU CHUẨN 2			CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN VÀ HỌC SINH			
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá chuẩn Hiệu trưởng	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Phòng Giáo dục	Hiệu Trưởng
	2	[H2-2.1-02]	Hồ sơ đánh giá chuẩn phó Hiệu trưởng	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu Trưởng
	3	[H2-2.1-03]	Hồ sơ văn bằng, chứng chỉ, bảng kết quả học tập chính trị của CBQL	2020-2021 2021-2022 2022-2023	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu Trưởng

				2023-2024 2024-2025		
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Bảng thống kê trình độ giáo viên, nhân viên	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trường Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	2	[H2-2.2-02]	Hồ sơ cá nhân giáo viên	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trường Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	3	[H2-2.2-03]	Danh sách Giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia nghiên cứu khoa học	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trường Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	4	[H2-2.2-04]	Công văn công nhận của hội đồng chấm nghiên cứu khoa học cấp thành	2021-2022	Sở Giáo dục và đào tạo	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Bảng phân công nhiệm vụ tổ văn phòng	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trường Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng

	2	[H2-2.3-02]	Hồ sơ nhân viên: văn bằng chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ	2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	3	[H2-2.3-03]	Danh sách tập huấn, học tập nâng cao chuyên môn nghiệp vụ (Bằng cấp, chứng chỉ bồi dưỡng văn thư, kế toán, y tế...)	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Bảng thống kê độ tuổi tuyển sinh lớp 6 hàng năm	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	2	[H2-2.4-02]	Hồ sơ xét duyệt học sinh cuối năm	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	3	[H2-2.4-03]	Bảng chấm điểm thi đua hàng tuần của Đội	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Liên Đội
	4	[H2-2.4-04]	Biên bản kiểm kê tài sản nh lớp học	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng

	5	[H2-2.4-05]	Hình ảnh tuyên truyền bảo vệ môi trường, tuân thủ luật giao thông, hoạt động tương thân tương ái, ủng hộ lũ lụt...	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trường Lê Văn Tám	Liên đội
	6	[H2-2.4-06]	Danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trường Lê Văn Tám	Liên đội
TIÊU CHUẨN 3			CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC			
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hình ảnh khuôn viên sân trường	2024-2025	Trường Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	2	[H3-3.1-02]	Hình biển tên trường, cổng trường	2024-2025	Trường Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh bờ rào trường	2024-2025		Phó Hiệu trưởng
	4	[H3-3.1-04]	Hình ảnh các phòng học, phòng chức năng phục vụ cho việc học, khối phòng chức năng khác	2024-2025		Phó Hiệu trưởng
	5	[H3-3.1-05]	Hình ảnh hoạt động giáo dục - sinh hoạt dưới cờ	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trường Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	6	[H3-3.1-06]	Hình ảnh các chuyên đề kỹ năng sống	2021-2022 2022-2023 2023-2024	Trường Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng

				2024-2025		
	7	[H3-3.1-07]	Hình ảnh các lễ, hội được tổ chức dưới sân	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	8	[H3-3.1-08]	Công khai Thông tin CSVN của trường	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh các phòng thuộc khối hành chính- quản trị (phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng y tế, phòng hội đồng giáo viên, phòng bảo vệ, phòng giáo viên, phòng học vụ, phòng kế toán tài vụ)	2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh khu đỗ xe giáo viên, hình ảnh bãi xe học sinh	2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	3	[H3-3.2-03]	Hình ảnh nhà vệ sinh nam - nữ: giáo viên và học sinh	2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	4	[H3-3.2-04]	Hình ảnh phòng học, phòng thực hành thí nghiệm môn Khoa học tự nhiên – STEM/Số đầu bài dạy TH - TN	2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	5	[H3-3.2-05]	Hình ảnh 02 phòng Tin học; 01 phòng thư viện; 01 phòng thiết bị giáo dục; 01 phòng truyền thống; 01 phòng tiếp công dân	2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng

	6	[H3-3.2-06]	Hình ảnh phòng Đoàn thể	2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	7	[H3-3.2-07]	Hình ảnh phòng thiết bị	2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	8	[H3-3.2-08]	Hình ảnh phòng thư viện	2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh hệ thống thoát nước	2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	2	[H3-3.3-02]	Hóa đơn tiền nước	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Kế toán
	3	[H3-3.3-03]	Hợp đồng lắp đặt hệ thống nước tiết trùng	2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	4	[H3-3.3-04]	Hợp đồng cung cấp nước uống bình	2023-2024	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	5	[H3-3.3-05]	Giấy kiểm nghiệm nước tiết trùng	2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	6	[H3-3.3-06]	Hợp đồng/hóa đơn với công ty công ích thu gom rác	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng

	7	[H3-3.3-07]	Sơ đồ bản vẽ nhà trường	2020	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	8	[H3-3.3-08]	Hồ sơ quản lý thiết bị và đồ dùng dạy học	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Nhân viên Thiết bị
	9	[H3-3.3-09]	Bảng danh mục đồ dùng dạy học tự làm	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Nhân viên Thiết bị
	10	[H3-3.3-10]	Biên bản kiểm kê thiết bị văn phòng	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Nhân viên Thiết bị
	11	[H3-3.3-11]	Biên bản kiểm kê phòng thiết bị dạy học	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Nhân viên Thiết bị
	12	[H3-3.3-12]	Sổ quản lý thiết bị dạy học	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Nhân viên Thiết bị
	13	[H3-3.3-13]	Sổ mượn đồ dùng dạy học	2020-2021 2021-2022	Trưởng Lê Văn Tám	Nhân viên Thiết bị

				2022-2023 2023-2024 2024-2025		
	14	[H3-3.3-14]	Biên bản kiểm kê tài sản nhà trường	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Kế toán
TIÊU CHUẨN 4			QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI			
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Danh sách ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	2	[H4-4.1-02]	Điều lệ hoạt động cha mẹ học sinh (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của BGD)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	3	[H4-4.1-03]	Văn kiện Đại hội đại biểu Cha mẹ học sinh (Nghị quyết Đại hội CMHS)	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
	4	[H4-4.1-04]	Văn kiện Đại hội đại biểu Cha mẹ học sinh (Báo cáo tổng kết, phương hướng hoạt động của BDD CMHS Đại hội CMHS)	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Kế hoạch giáo dục nhà trường	2020-2021 2021-2022	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng

				2022-2023 2023-2024 2024-2025		
2	[H4-4.2-02]	Biên bản các buổi họp cha mẹ học sinh trên lớp		2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
3	[H4-4.2-03]	Kế hoạch vận động tài trợ		2021-2022 2023-2024	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng
4	[H4-4.2-04]	Danh sách học sinh nhận học bổng của mạnh thường quân		2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
5	[H4-4.2-05]	Hình ảnh khen thưởng học sinh các năm; Hình ảnh tặng học bổng cho học sinh vượt khó		2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	
6	[H4-4.2-06]	Kế hoạch tổ chức, hình ảnh các buổi sinh hoạt lịch sử, tuyên truyền văn hóa, văn nghệ dân tộc... dưới sân		2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng

	7	[H4-4.2-07]	Kế hoạch tổ chức, hình ảnh chăm sóc các di tích lịch sử	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	8	[H4-4.2-08]	Hình ảnh học sinh tham quan nhà truyền thống Quận	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	9	[H4-4.2-09]	Hình ảnh học sinh thăm gia đình thương binh, liệt sĩ...	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
TIÊU CHUẨN 5			HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ KẾT QUẢ GIÁO DỤC			
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Hồ sơ các chương trình Giáo dục ngoài nhà trường	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	2	[H5-5.1-02]	Kế hoạch tổ chức các hội thi: tên lửa nước, Robotacom, xe thể năng, khéo tay kỹ thuật...	2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Hiệu trưởng

	3	[H5-5.1-03]	Danh sách đội tuyển học sinh giỏi	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	4	[H5-5.1-04]	Danh sách học sinh học phụ đạo	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Kế hoạch phụ đạo học sinh chưa đạt	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	2	[H5-5.2-02]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	3	[H5-5.2-03]	Danh sách phân công giáo viên dạy phụ đạo	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	4	[H5-5.2-04]	Danh sách phân công giáo viên dạy bồi dưỡng học sinh giỏi	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng

				2024-2025		
	5	[H5-5.2-05]	Danh sách học sinh đạt tham gia các giải TDTT cấp trường, phường, TP	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch giảng dạy môn Giáo dục địa phương	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	2	[H5-5.3-02]	Hình ảnh thăm đền Hai Bà Trưng	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	3	[H5-5.3-03]	Đề kiểm tra môn giáo dục địa phương	2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	4	[H5-5.3-04]	Hình ảnh các chuyên đề dưới sân: “Uống nước nhớ nguồn”, “Mừng Đảng, mừng xuân”, “Tiến bước lên Đoàn”	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng

	5	[H5-5.3-05]	Hình ảnh học sinh tham quan các di tích lịch sử: Ngã ba Giồng, Chiến khu Rừng Sác...	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch hướng nghiệp sau lớp 9	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	2	[H5-5.4-02]	Hình ảnh các trường nghề tư vấn học sinh lớp 9	2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Báo cáo công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật; Hình ảnh các chuyên đề tuyên truyền giáo dục pháp luật.	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	2	[H5-5.5-02]	Hình ảnh kỹ năng sống An toàn giao thông	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	3	[H5-5.5-03]	Hình ảnh kỹ năng sống Giáo dục Phòng chống dịch bệnh	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng

	4	[H5-5.5-04]	Hình ảnh kỹ năng sống Giáo dục giới tính	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	5	[H5-5.5-05]	Hình ảnh kỹ năng sống Phòng chống HIV-AIDS	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	6	[H5-5.5-06]	Hình ảnh kỹ năng sống tuyên truyền phòng chống nghiện game - mạng xã hội	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó Hiệu trưởng
	7	[H5-5.5-07]	Báo cáo tình hình dịch bệnh, ca bệnh	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Y tế
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Hồ sơ sau thi lại	2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025	Trưởng Lê Văn Tám	Phó HT/CM

